

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 03/2024

ĐÃI CÁT TÌM VÀNG

ĐIỂM NHẤN THÁNG 2/2024



- **Kinh tế Mỹ mạnh mẽ hơn kỳ vọng:** Tăng trưởng GDP Q4 dù thấp hơn quý trước nhưng cao hơn nhiều so với dự báo. Thị trường việc làm tiếp tục mạnh trong Q1 và lạm phát nhen nhóm tăng trở lại. DXY và lợi suất TPCP Mỹ đảo chiều tăng trở lại sau khi thị trường giảm kỳ vọng Fed sẽ bắt đầu giảm lãi suất từ tháng 3. Ngược lại, lạm phát giảm trong khi sản xuất công nghiệp tiếp tục thu hẹp tại cả Trung Quốc và EU ([trang 10-13](#)).
- **Sản xuất trong nước hồi phục nhưng lạm phát đang quay lại.** Sản xuất công nghiệp duy trì mở rộng 2 tháng liên tiếp, xuất nhập khẩu khởi sắc, thặng dư thương mại gia tăng. Tuy nhiên, lạm phát đang tăng trở lại chủ yếu do các mặt hàng thiết yếu, trong khi lãi suất tiếp tục giảm, tỷ giá và giá vàng tăng mạnh ([trang 15-21](#)).
- **VNIndex trong tháng 02 đã có sự tăng điểm mạnh mẽ.** Kết thúc phiên tháng, VNIndex đóng cửa với mức tăng +88,42 điểm, tương ứng +7,6% so với cuối tháng trước lên mốc 1.252,72 điểm. Trung bình GTGD/phiên có sự cải thiện lên mức 20.794 tỷ đồng/phiên, tăng 24,8% so với số liệu tháng 01. VNIndex là một trong những thị trường có mức tăng trưởng nổi bật nhất trên thế giới ([trang 23](#)).
- **Đà tăng trong tháng 02 gần như liên tục,** ngoại trừ 1 phiên điều chỉnh đáng kể ngày 23/2. Phiên giao dịch ngày 28/2 đã có sự thăng hoa nhờ việc khối ngoại mua ròng lớn tác động làm tăng các mã trong rổ VN30 và giúp nâng đỡ VNIndex tăng 17,09 điểm ([trang 24](#)).
- **Nhà đầu tư nước ngoài quay lại bán ròng** sau tháng 1 mua ròng nhẹ, NĐT cá nhân mua ròng tích cực ([trang 25](#)).
- **Hầu hết các nhóm ngành trong tháng 02 đều có sự tăng giá mạnh.** Nổi bật nhất là nhóm ngành Công nghệ thông tin, Hoá chất và Tài nguyên cơ bản, Ngân hàng, Chứng khoán, BĐS Khu công nghiệp... Câu chuyện đầu tư chủ yếu với xu hướng công nghệ chip bán dẫn toàn cầu, các công ty công nghệ như FPT hay DGC hưởng lợi khi nắm giữ “chìa khoá” cho ngành bán dẫn ([trang 26-27](#)).

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2024

Chúng tôi dự báo Kịch bản tích cực với thị trường sẽ xảy ra trong tháng đầu năm 2024, trong đó VN-Index sẽ đi lên vùng 1160-1185 +/-, sau đó điều chỉnh và có thể hồi phục xác nhận pha tăng trung hạn tiếp theo trong 2 - 4 tháng. Chúng tôi đề xuất nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn với các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, BĐS khu công nghiệp, Thủy sản, Xây dựng - Đầu tư công và một số cổ phiếu riêng lẻ.

Thực tế, VNIndex trong tháng 1 đã tăng điểm, điều chỉnh từ mức 1187, sau đó hồi phục và tăng điểm mạnh trong tháng 2. Kết thúc phiên cuối tháng, VNIndex đóng cửa với mức tăng +88,42 điểm, tương ứng +7,6% so với cuối tháng trước lên mốc 1.252,72 điểm. Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 01/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 01/2024

- 43,8% cổ phiếu chạm điểm mua và có lãi theo giá cuối tháng 1.
- 75% cổ phiếu trong danh mục có lãi theo giá cuối tháng 2.
- Tỷ suất lãi/lỗ thực hiện cả danh mục là -0,1% theo giá cuối tháng 1 và 6,1% theo giá cuối tháng 2.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	31/01/2024	Tăng/ Giảm (%)	29/02/2024	Tăng/ Giảm (%)
1	ACB	25,4	23 - 24	27	30	21	25,75	1,6%	28,00	10,5%
2	STB	29,2	28 - 29	33 - 34	38	26	29,90	2,4%	31,55	8,0%
3	VIB	20,9	19 - 20	25		18	20,75	-0,7%	21,90	4,8%
4	SSI	34,2	33 - 34,2	36		31	34,40	0,9%	37,00	8,5%
5	VIX	16,9	15.8 - 16.9	20	32	14	17,45	3,3%	18,30	8,3%
6	SZC	36,5	31 - 33	45 - 48	46 - 48	27	39,00	6,8%	43,15	18,2%
7	KBC	32,3	30 - 32	37 - 38	42	28	30,25	-6,3%	31,00	-4,0%
8	GVR	21,5	20 - 21	24 - 25	30	19	22,40	4,2%	28,60	33,0%
9	NKG	23,9	20 - 22	31		17	24,20	1,5%	23,95	0,4%
10	ANV	32,0	28 - 30	36 - 40	59 - 60	27	29,95	-6,3%	34,60	8,3%
11	FMC	45,6	44 - 45	52 - 53	25	42	44,60	-2,2%	47,80	4,8%
12	KSB	29,4	27 - 28	33 - 36		25	29,35	0,0%	25,70	-12,4%
13	CTD	69,9	65 - 68	83	110 - 115	60	67,50	-3,4%	66,70	-4,6%
14	DPG	40,4	39 - 40	48 - 49		37	39,65	-1,9%	40,20	-0,5%
15	BSR	18,8	18 - 19	22	25	17	18,70	-0,5%	19,90	5,9%
16	REE	56,8	55 - 57	72		63 - 65	56,00	-1,4%	61,20	7,7%

Các yếu tố vĩ mô: Thị trường trong tháng 3/2024 được hỗ trợ bởi các tin tức tốt xấu đan xen. Cụ thể:

- Trên thế giới, kinh tế Mỹ tăng trưởng cao hơn kỳ vọng thể hiện qua số liệu GDP Q4/2023 và số liệu từ bảng lương phi nông nghiệp. Tuy nhiên, lạm phát Mỹ đang có dấu hiệu quay trở lại, làm tăng khả năng Fed trì hoãn việc giảm lãi suất đến cuối quý 2/2024. Điều này khiến chỉ số DXY và lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ hồi phục trở lại trong 2 tháng đầu năm 2024. Ngoài ra, ECB ngày 7/3 phát tín hiệu có thể cắt giảm lãi suất sớm nhất vào tháng 6 năm nay, đồng thời hạ dự báo lạm phát cả năm và cho rằng CPI ở khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu sẽ giảm về mục tiêu 2% vào năm 2025.
- Sản xuất công nghiệp tiếp tục suy giảm tại tất cả các nền kinh tế lớn từ Trung Quốc đến EU và Anh. Tuy nhiên, tại EU và Anh, tốc độ thu hẹp sản xuất đã chậm lại rõ rệt và lạm phát đã ổn định trở lại báo hiệu khả năng tăng trưởng trở lại trong nửa sau của 2024 khi ECB hạ lãi suất. Điều đáng lo ngại là khủng hoảng bất động sản tại Trung Quốc đang dẫn lan ra các nền kinh tế lớn khác.
- Các cuộc xung đột trên thế giới trở nên căng thẳng hơn, khó kiểm soát và có rủi ro lan rộng như xung đột Nga – Ucraina, các cuộc tấn công của lực lượng Houthi trên Biển Đỏ... Ngoài ra, do các cuộc bầu cử tại các nước lớn đang đến gần... và xu hướng các NHTW lớn sẽ giảm lãi suất khiến nhu cầu trú ẩn vào vàng tăng lên. Việc xung đột lan rộng khiến tăng chi phí vận tải và tăng giá một số hàng hóa, làm tăng rủi ro lạm phát nói chung.

- Tại Việt Nam, tỷ lệ giải ngân đầu tư công toàn quốc được giữ ở mức cao kể từ cuối 2023, nguồn vốn FDI ghi nhận mức tăng trưởng ổn định qua từng quý, xuất nhập khẩu phục hồi đáng kể so với trước, chỉ số PMI có tháng thứ 2 liên tiếp ở mức mở rộng cộng với việc môi trường kinh doanh phục hồi khi số lượng doanh nghiệp đăng kí mới tăng trở lại là những điểm sáng trong bức tranh kinh tế đầu năm 2024. Dự kiến xu hướng này vẫn tiếp tục trong các tháng còn lại của nửa đầu năm 2024.
- Sau một giai đoạn giảm lãi suất điều hành rất quyết liệt của chính phủ trong nửa cuối năm 2023, lãi suất huy động ngân hàng đã giảm xuống các mức thấp kỷ lục, khiến cho kênh tiền gửi đã không còn hấp dẫn. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa tăng, cùng với giá vàng thế giới tăng và chênh lệch lãi suất USD – VND mở rộng đã khiến giá vàng, giá USD tăng mạnh, trực tiếp gây áp lực trở lại lên lạm phát. Tăng trưởng tín dụng yếu do đầu tư tư nhân vẫn đối mặt nhiều áp lực. Dự báo lãi suất sẽ vẫn duy trì ở mức thấp và chưa tăng trở lại ngay. Tỷ giá neo cao tiếp tục hỗ trợ xuất khẩu, ngược lại cũng thúc đẩy lạm phát và giá vàng. Dòng tiền nội sẽ tiếp tục là lực cầu chủ đạo của thị trường.
- Tuy nhiên, thị trường kỳ vọng hệ thống KRX sẽ chính thức được vận hành trong Quý 2/2024 và Việt Nam sẽ được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong kỳ xem xét vào tháng 9/2024 của tổ chức này. Xa hơn, trong trường hợp MSCI và FTSE nâng hạng Việt Nam lên thị trường chứng khoán mới nổi sẽ có khoảng 3.5-4 tỷ USD mua mới các cổ phiếu Việt Nam. Khi đó, các cổ phiếu có vốn hóa vừa và lớn, có vị thế đầu ngành, với kết quả kinh doanh nổi bật... sẽ được thị trường chú ý hơn và thực hiện định giá lại.

Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Thị trường liên tục tăng điểm trong tháng 1 và tháng 2 với sự dẫn dắt thành công của nhóm ngành ngân hàng và các cổ phiếu đầu ngành. Tính từ vùng đáy 1070-1080, chỉ số VN-Index đã tăng ~200 điểm trong 12 tuần giao dịch.

Trong đà tăng theo tuần, xu hướng tuần được đánh giá là cận biên độ tăng khi thị trường chung đi vào vùng kháng cự mạnh 1280 - 1290 - 1315 điểm. Đây cũng là vùng đỉnh trung hạn đã tạo ra trong tháng 6-8/2023. Tại vùng này, dự kiến chỉ số sẽ có rung lắc mạnh, các nhóm cổ phiếu cần được hấp thụ lực cung trước khi tiếp diễn xu hướng đi lên.

Xu hướng trung hạn: Xu hướng tăng điểm của VN-Index đã kéo dài 19 tuần, tiệm cận vào vùng kháng cự mạnh 1280-1290 điểm. Thị trường cần tạo vùng tích lũy trước khi tiếp diễn xu hướng đi lên.

Xu hướng ngắn hạn: Đang tiếp diễn đi lên nhịp thứ 3 trên biểu đồ ngày. Trạng thái giá tăng đồng pha trên các khung thời gian ngày – tuần.

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1280 – 1297
- Kháng cự 2: 1305 – 1315
- Hỗ trợ 1: 1250 – 1260
- Hỗ trợ 2: 1210 – 1220
- Hỗ trợ 3: 1060 – 1080

Chúng tôi dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 3/2024 như sau:

- **Kịch bản 1 – xác suất cao:** Với Kịch bản tích cực, trong diễn biến ngắn hạn, thị trường điều chỉnh về ngưỡng Hỗ trợ 2 (1210-1220) và sau đó tiếp tục tăng điểm tới vùng Kháng cự 1 (1208-1297) và Kháng cự 2 (1305-1315) trên biểu đồ giao dịch ngày. Nhà đầu tư nên chú ý quan sát mốc kháng cự quan trọng được đề xuất để có thể chủ động phân bổ danh mục và tỷ trọng, tránh tâm lý Fomo mua đuổi theo giá.
- **Kịch bản 2 – xác suất thấp:** Thị trường chung có thể xảy ra điều chỉnh ngắn hạn trên các khung thời gian nhỏ (H1). Trong diễn biến này nhà đầu tư nên quan sát mốc Hỗ trợ 1 và Hỗ trợ 2. Thực hiện hạ tỷ trọng với giao dịch ngắn hạn.

Khuyến nghị:

- Với kịch bản chủ đạo dự báo thị trường tiếp tục diễn biến tích cực ở nhịp lên thứ 3 trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn tiếp tục giao dịch với những cổ phiếu có sự đồng pha tăng điểm với VN-Index.
- Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và quan sát vùng kháng cự quan trọng tiếp theo của VN-Index.
- Chúng tôi đề xuất nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn với các ngành và cổ phiếu đang có mô hình tích lũy lâu dài, định giá còn rẻ so với thị trường chung bao gồm: Các cổ phiếu đầu ngành, vốn hóa lớn (POW, REE, VNM, BCM, MSN), Ngành bất động sản (HDG, DXG, HDC..), Ngân hàng (MBB, CTG), Bán lẻ (DGW), Phân bón (DCM). Thông tin khuyến nghị cổ phiếu cụ thể ở các trang tiếp theo của báo cáo này.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 3/2024



MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI	<u>9</u>
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM	<u>14</u>
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	<u>22</u>
NHẬN ĐỊNH & KHUYẾN NGHỊ	<u>28</u>



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của
Trung tâm Tư vấn Đầu tư ABS



TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

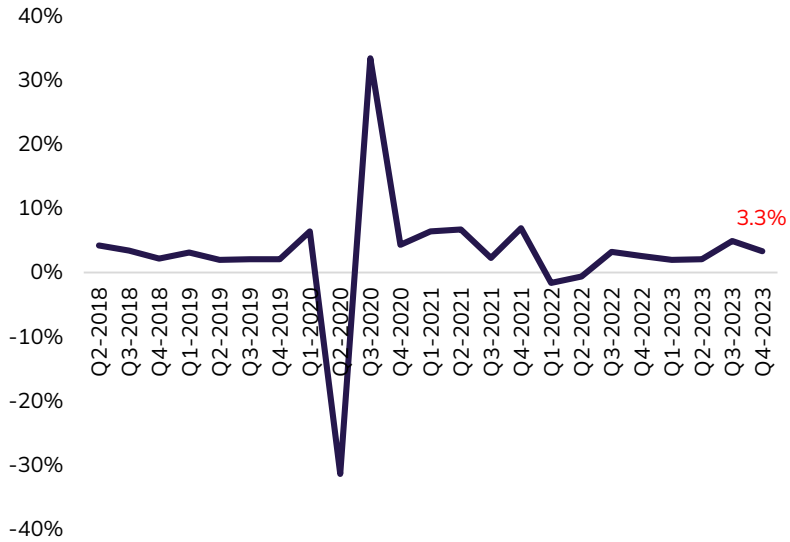


Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



Mỹ: GDP tăng trưởng tốt, NFP tháng 1 mạnh mẽ

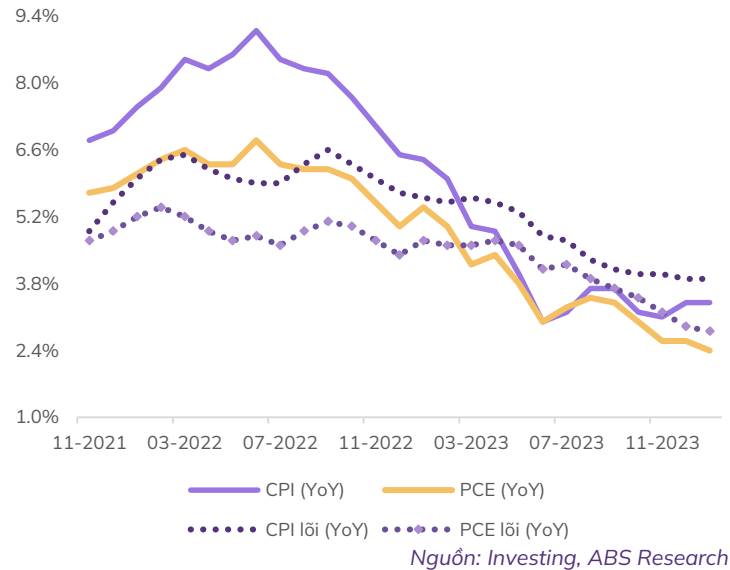
GDP Mỹ phục hồi vượt kỳ vọng thị trường



Nguồn: Investing, ABS Research

- GDP quý 4 cho thấy nền kinh tế Mỹ đang chậm lại nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ khi tăng 3,3%, mặc dù con số này thấp hơn so với mức 4,9% của quý trước nhưng lại cao hơn nhiều so với mức tăng 2% mà thị trường kỳ vọng.
- GDP tăng trưởng tốt năm qua có đóng góp lớn do Chính phủ đẩy mạnh chi tiêu. Tổng IOU (vay nợ) của Chính phủ đã lên tới 34 ngàn tỷ USD và đang tiếp tục tăng. Thâm hụt ngân sách đã lên tới hơn 500 tỷ USD trong 3 tháng đầu năm tài khoá 2024.

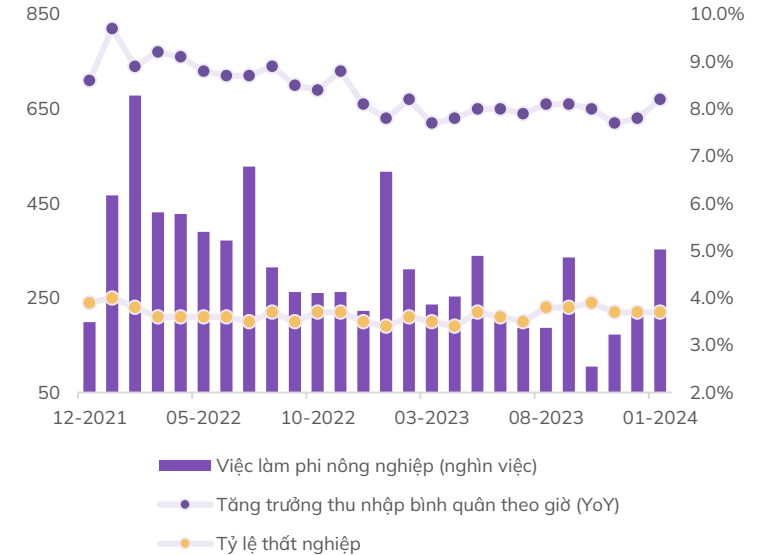
Lạm phát Mỹ nhen nhóm trở lại



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1 của Mỹ tăng 0,3% so với tháng 12 và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước và cao hơn mức dự báo.
- CPI lõi, loại trừ giá năng lượng và thực phẩm, tăng 0,4% so với tháng trước và 3,9% so với một năm trước. Dự báo được đưa ra trước đó là 0,3% và 3,7%. PCE lõi đã tăng 0,4% so với tháng 12 và tăng 2,8% svck đây được cho là mức tăng mạnh so với cùng kỳ, củng cố quan điểm thận trọng của Fed trước khi xoay trục chính sách trong năm nay.

Số liệu việc làm mạnh mẽ

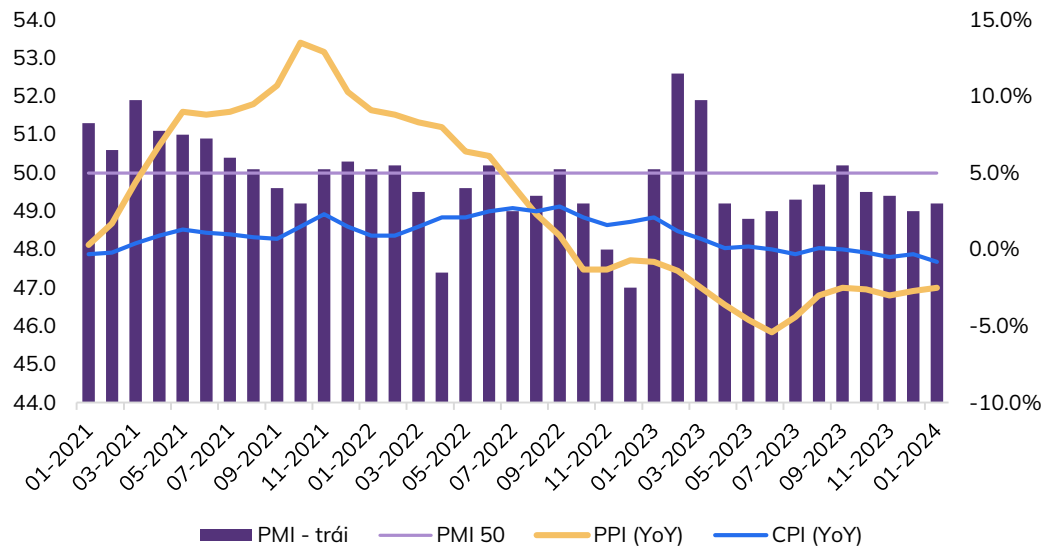


Nguồn: Investing, ABS Research

- Số việc làm mới tăng trưởng bất ngờ trong tháng 1, một lần nữa chứng minh thị trường lao động Mỹ vẫn rất vững chắc và sẵn sàng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, theo báo cáo mới ra ngày 2/2/2024 của Bộ Lao động Mỹ, các nhà tuyển dụng đã tạo thêm 353.000 việc làm mới - cao hơn nhiều so với kỳ vọng của thị trường là 185.000. Tỷ lệ thất nghiệp giữ ở mức 3,7%, thấp hơn so với dự báo là 3,8%.
- Dữ liệu việc làm mạnh mẽ ủng hộ cho quan điểm thắt chặt đối với USD và Fed có lẽ cần thêm thời gian trước khi hạ lãi suất.

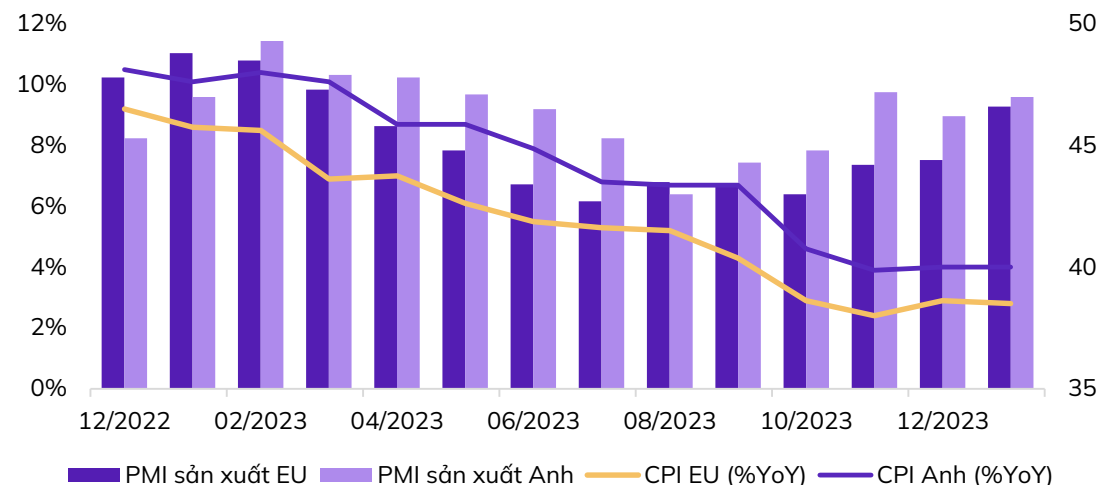
Trung Quốc gặp khó, tình hình lạm phát tại Anh và EU tích cực hơn

Trung Quốc: CPI giảm mạnh hơn nhiều so với dự báo



Nguồn: Investing, ABS Research

EU: PMI vẫn dưới 50 nhưng triển vọng tương lai tích cực



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2024 giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là mức giảm lớn nhất trong vòng 14 năm trở lại đây và mạnh hơn mức giảm 0,5% được các nhà kinh tế dự báo. Giá thịt lợn giảm do nguồn cung dồi dào và mức tiêu thụ chậm chạp là nhân tố kéo tụt CPI. Trung Quốc duy trì trạng thái giảm phát trong bối cảnh dư cung thịt lợn và nhu cầu tiêu dùng yếu.
- Cùng với chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 1 của Trung Quốc cũng hạ 2,5% so với cùng kỳ năm trước và 2,7% so với tháng 12/2023
- Chỉ số PMI tiếp tục duy trì xung quanh mức 49 điểm cho thấy quy mô sản xuất đang thu hẹp từng ngày.
- Nền kinh tế lớn thứ hai thế giới cần phải có thêm chính sách hỗ trợ về tài khóa và tiền tệ thực sự mạnh mẽ để thoát khỏi cơn bão dai dẳng hiện nay.

- Số liệu lạm phát CPI tháng 1 tại EU là 2,8%, giảm nhẹ so với mức 2,9% vào tháng trước nhờ các mặt hàng chủ chốt đều giảm đà tăng (năng lượng, thực phẩm, hàng công nghiệp...). CPI lõi ở mức 3,3% sơ bộ, giảm so với mức 3,4% của tháng trước cho thấy rằng lạm phát cơ bản đang dần hướng đến mức 3% nhưng việc giảm về mức 2% mục tiêu của ECB thì vẫn còn là một chặng đường dài.
- Lạm phát của Vương Quốc Anh gần không thay đổi trong tháng 1, được thể hiện qua CPI giữ nguyên ở mức 4% cho thấy sự thành công của chính quyền thủ tướng Rishi Sunak khi đã kìm hãm lạm phát ở dưới ngưỡng 5% được quốc hội đề ra.
- Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của EU tăng đáng kể từ 44,4 lên 46,6 điểm trong tháng 1. Nhưng đây cũng là tháng thứ 18 liên tiếp PMI ở ngưỡng thu hẹp mặc dù đã có nhiều tín hiệu để ngành xuất khẩu địa giả tăng trưởng trở lại.

DXY tăng trưởng khi Fed không hạ lãi suất như kỳ vọng



Nguồn: Investing, ABS Research

- Tính đến ngày 06/03/2024, chỉ số DXY đang giữ ở mốc 103,6 (+2,29% so với đầu năm). Từ đầu tháng 1, DXY đảo chiều tăng sau khi đạt mức thấp 100,6 điểm. Giai đoạn cuối năm 2023, giới đầu tư toàn cầu có phần kỳ vọng hơi thái quá vào khả năng hạ lãi suất sớm của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed), theo đó, DXY hạ nhiệt. Song với một số thông tin tích cực về tăng trưởng kinh tế Mỹ, cũng như các phát biểu của Chủ tịch Fed trong phiên họp tháng 1 phát đi tín hiệu cơ quan này chưa hạ lãi suất vào tháng 3 tới, kỳ vọng của thị trường vào chính sách của Fed đã được điều chỉnh về mức hợp lý hơn, kéo theo đà tăng trở lại của đồng USD.

Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm tạo đáy và tăng trở lại.

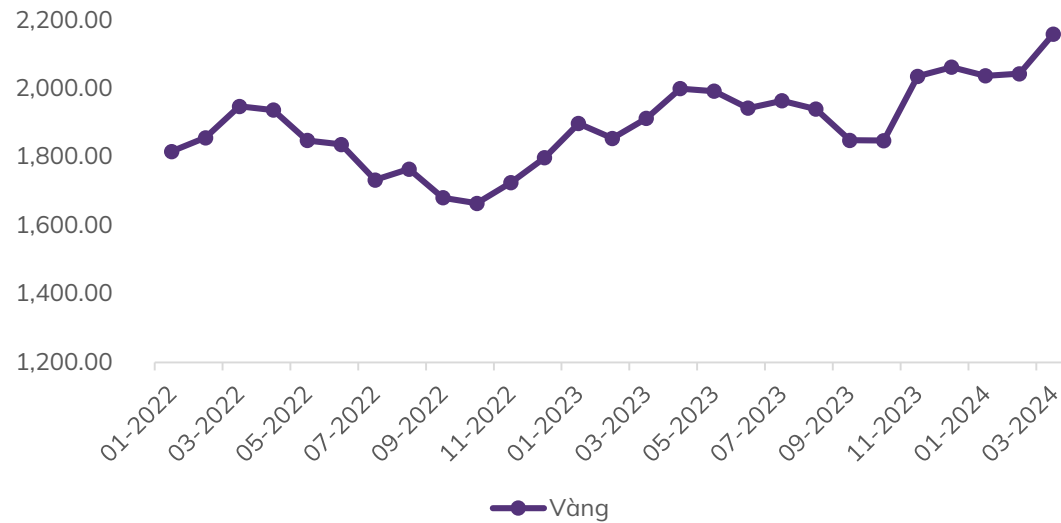


Nguồn: Investing, ABS Research

- Đi theo đà tăng của DXY, lợi suất TPCP 10 năm Mỹ cũng đảo chiều tăng trở lại, hiện đạt mức 4,162% tăng 29 điểm cơ bản so với thời điểm đầu năm.
- Fed gần như chắc chắn sẽ không tăng lãi suất trong tháng 3 này, theo công cụ FedWatch của CME, có tới 97% khả năng Fed giữ nguyên lãi suất trong khi có tới 60% nói Fed sẽ bắt đầu giảm lãi suất từ tháng 6.
- Như vậy, lợi suất TPCP Mỹ được dự báo sẽ giảm trở lại khi Fed bắt đầu xoay trục chính sách. Chúng tôi cho rằng TPCP Mỹ sẽ còn giảm mạnh trong nửa cuối năm 2024 do chính sách tiền tệ thay đổi sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới giá TPCP.

Giá vàng liên tục tạo đỉnh thời đại

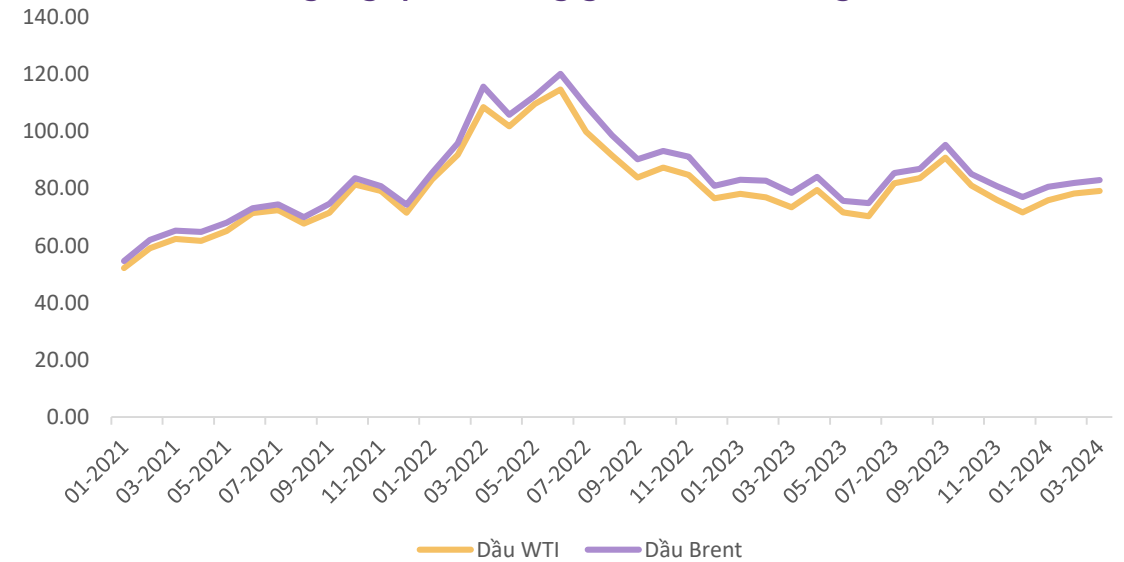
Giá vàng thế giới thiết lập đỉnh cao mới (USD/ounce)



Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong vài ngày đầu tháng 3, giá vàng thế giới có thời điểm lên 2.152 USD/ounce - cao nhất mọi thời đại. Vàng là một tài sản mang tính trú ẩn an toàn, vì vậy khi tình hình chiến tranh trở nên bất ổn hay các cuộc bầu cử quan trọng không rõ kết quả, các nhà đầu tư thường mua một lượng lớn vàng khiến cho giá của mặt hàng này tăng cao.
- Một yếu tố lớn khiến cho giá vàng liên tục tạo đỉnh là do kỳ vọng của các nhà đầu tư vào việc Fed sẽ sớm giảm lãi suất trong ngắn hạn. Vàng là một tài sản không sinh lãi, vì vậy khi lãi suất cao, vàng là một kênh đầu tư kém hấp dẫn hơn các tài sản khác, giá vàng tăng phản ánh những kỳ vọng của thị trường trong trường hợp Fed giảm lãi suất vào tháng 6 tới.

Dầu thô Brent đi ngang quanh vùng giá 80 USD/thùng



Nguồn: Investing, ABS Research

- Giá dầu vẫn chưa thể hạ nhiệt do các cuộc đàm phán về lệnh ngừng bắn và trao đổi con tin giữa Israel và Hamas dường như rơi vào bế tắc khi cuộc khủng hoảng nhân đạo ở Gaza ngày càng sâu sắc; eo biển Hormuz, tuyến đường vận chuyển dầu thô nhộn nhịp nhất thế giới với khối lượng 20 triệu thùng/ngày, cũng là nơi xảy ra giao tranh khiến cho chuỗi cung ứng dầu tiếp tục bị gián đoạn.
- Thêm vào đó, sản lượng của Mỹ cũng giảm 100.000 thùng/ngày trong tuần trước xuống 13,2 triệu thùng/ngày, ngay trong bối cảnh nhóm nước OPEC+ tuyên bố gia hạn cắt giảm sản lượng. Ả rập Xê Út đã tăng giá bán chính thức (OSP) đối với dầu thô Arab Light hàng đầu sang Châu Á trong tháng 4 ở mức 1,7 USD/thùng, cao hơn so với mức 1,5 USD/thùng trong tháng trước. Đây là những nguyên nhân khiến cho rủi ro giá nhiên liệu tăng giá trở nên rõ rệt.



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

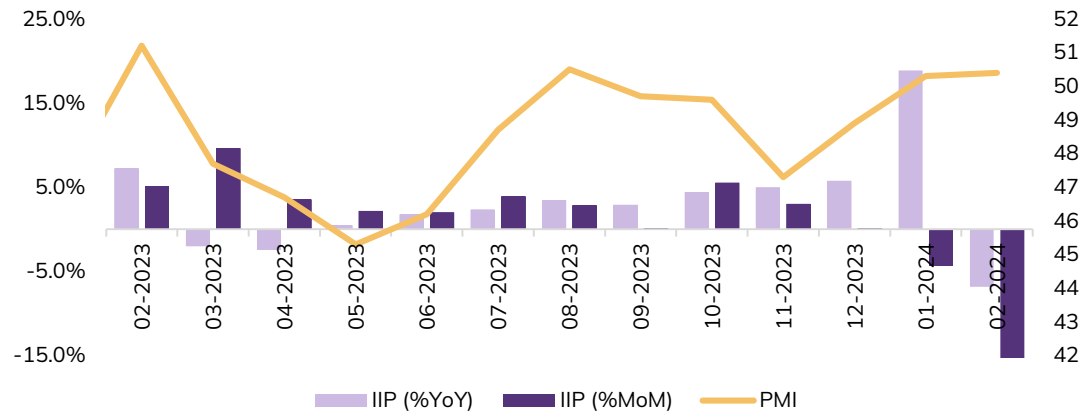


Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



• Sản xuất chịu yếu tố nền cao

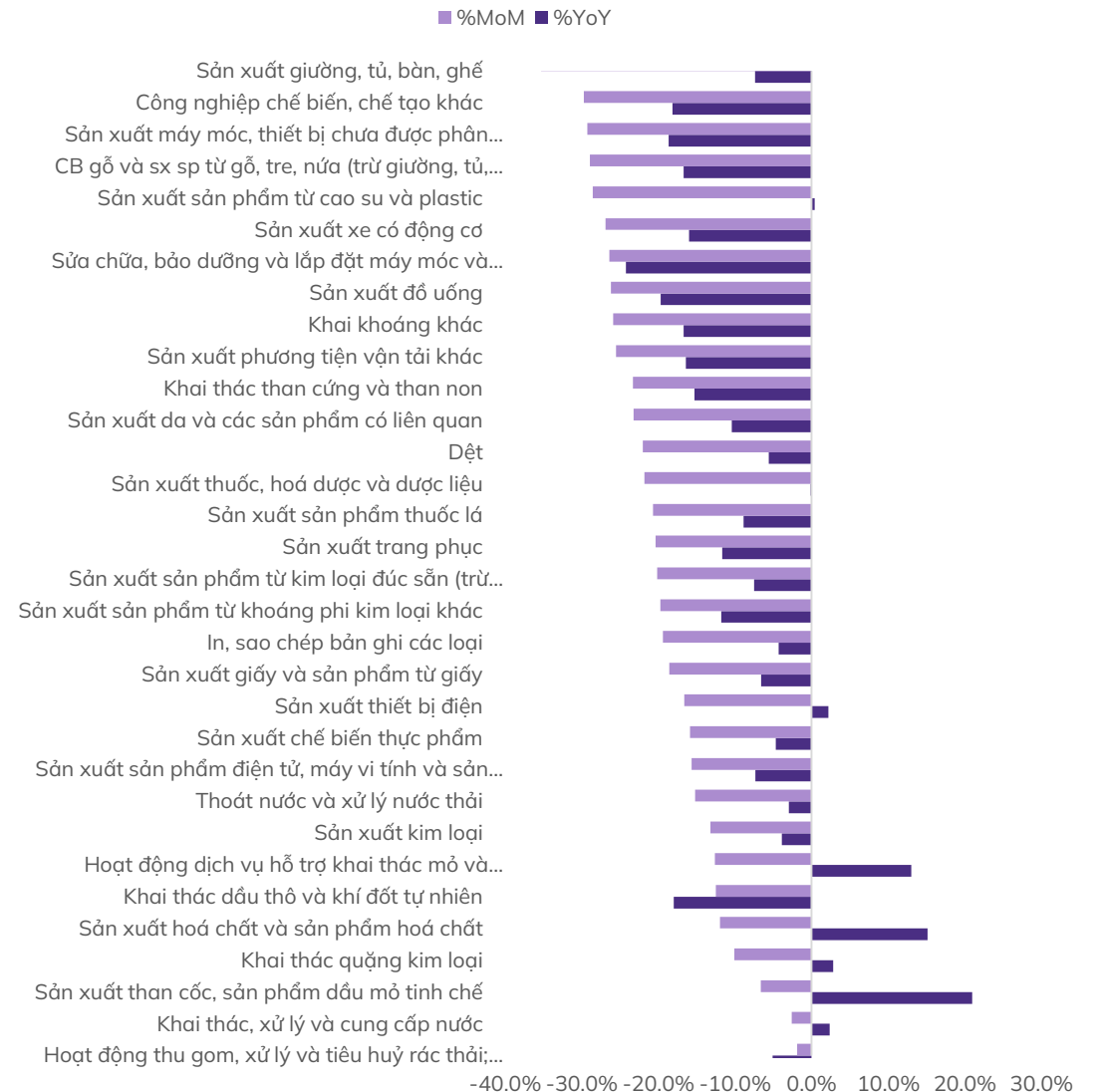
PMI tiếp tục duy trì trên 50 điểm trong khi IIP giảm tới 18% trong tháng 2



Nguồn: GSO, S&P Global, ABS Research

- Chỉ số **PMI** tháng 2 đạt 50,4 điểm, tăng nhẹ so với 50,3 điểm của tháng 1 cho thấy mức độ sản xuất đang dần ổn định trong những tháng đầu năm 2024 này. PMI được duy trì ở mức tích cực như hiện nay là do (i) Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng nhẹ tháng thứ 2 liên tiếp; (ii) Giá cả hàng hóa đầu ra tăng trong dịp đầu năm và (iii) Hiệu ứng tết nguyên đán. Tuy nhiên, các công ty tiếp tục giảm hoạt động mua hàng, và thay vào đó là dùng hàng tồn kho để phục vụ sản xuất và đáp ứng các đơn hàng, đồng thời cũng tăng giá bán hàng để bù đắp mức tăng của chi phí đầu vào.
- **Chỉ số IIP** tháng 2 giảm 18% so với tháng trước và giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 3,5%, làm giảm 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 5,9%, đóng góp 5,2 điểm phần trăm. Như vậy, tình hình sản xuất công nghiệp tháng 2/2024 không được khả thi, trái ngược so với tháng đầu năm khi khu vực công nghiệp phục hồi mạnh.

Thống kê tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo nhóm ngành (02/2024)

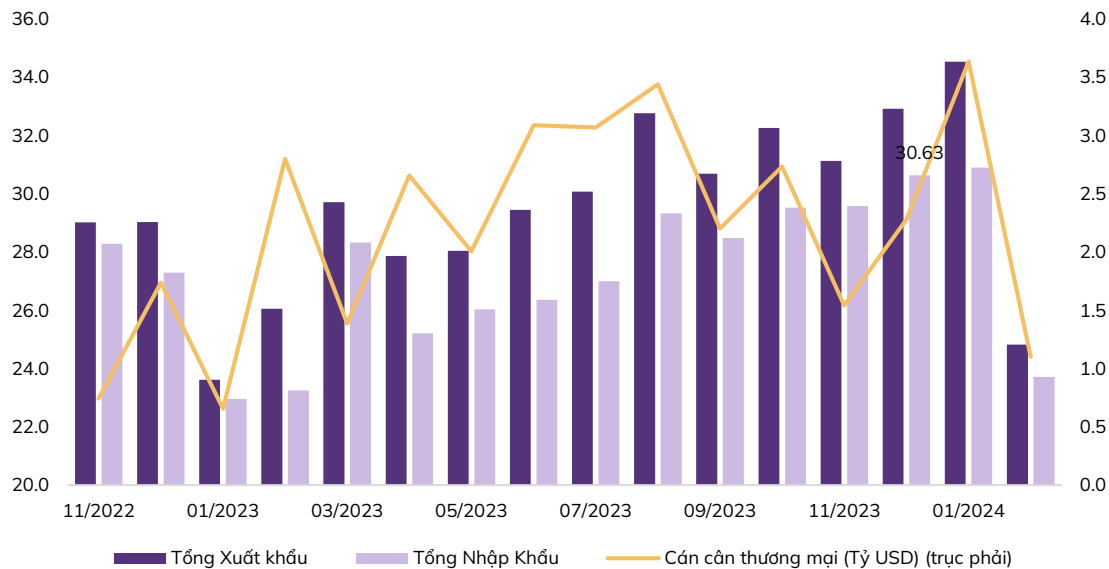


Nguồn: GSO, ABS Research

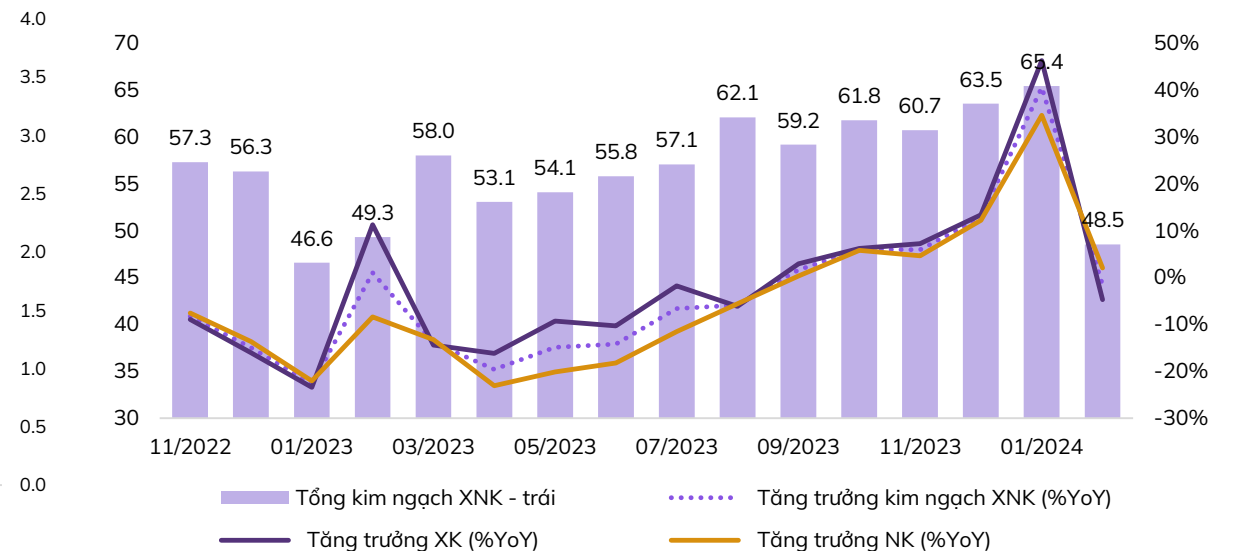
• Xuất nhập khẩu cải thiện so với cùng kỳ

- **Xuất – nhập khẩu:** Tháng 2/2024 xuất khẩu ước đạt 24,82 tỷ USD, giảm 28,1% so với tháng trước, giảm 5% svck. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 6,62 tỷ USD, giảm 30,6% MoM, tăng 0,9% svck; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 18,2 tỷ USD, giảm 27,2% MoM, giảm 7% svck.
- Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 59,34 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 16,14 tỷ USD, tăng 33,3%, chiếm 27,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 43,2 tỷ USD, tăng 14,7%, chiếm 72,8%.
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 54,62 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 19,67 tỷ USD, tăng 27,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 34,95 tỷ USD, tăng 13,3%. Trong 2 tháng đầu năm 2024 có 13 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 71% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 02 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 41,3% bao gồm điện tử, máy tính và linh kiện và máy móc thiết bị).
- Ước tính cán cân thương mại hàng hóa tháng 2/2024 xuất siêu 1,1 tỷ USD. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 4,72 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,5 tỷ USD).

Cán cân thương mại tăng trở lại (Đvt: Tỷ USD, %YoY)



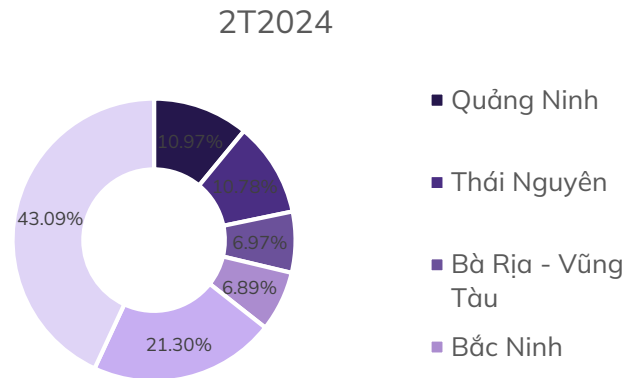
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giảm mạnh (Đvt: Tỷ USD, %YoY)



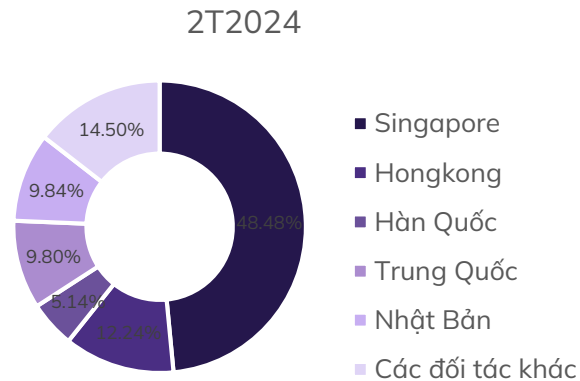
• Vốn FDI giải ngân tăng trưởng rất ấn tượng so với cùng kỳ

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tính đến ngày 20/2, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà ĐTNN đạt hơn 4,29 tỷ USD, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2023. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 2,8 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2023. Lũy kế đến ngày 20/2, cả nước có 39.553 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 473,1 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt gần 300 tỷ USD, bằng 63,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 2,54 tỷ USD, chiếm 59,1% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 16,8% so với cùng kỳ. Ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư gần 1,41 tỷ USD, chiếm 32,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, gấp hơn 3,5 lần so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là các ngành bán buôn bán lẻ; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt là 125,2 triệu USD và gần 76,4 triệu USD.
- Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 2,08 tỷ USD, chiếm 48,5% tổng vốn đầu tư, gấp hơn 2,1 lần so với cùng kỳ 2023; Hồng Kông đứng thứ hai với gần 525,7 triệu USD, chiếm 12,2% tổng vốn đầu tư, gấp gần 5,1 lần so với cùng kỳ.
- Hà Nội dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 914,4 triệu USD, chiếm 21,3% tổng vốn đầu tư đăng ký và gấp 24,4 lần so với cùng kỳ năm 2023. Quảng Ninh đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 471,1 triệu USD, chiếm gần 11% tổng vốn đầu tư cả nước. Tiếp theo lần lượt là Thái Nguyên, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bắc Ninh...

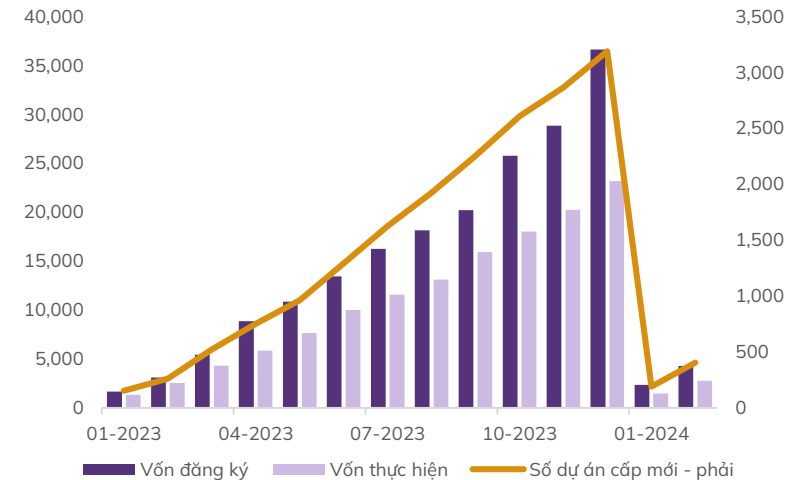
Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo địa phương (Đvt: Tỷ USD)



Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 2023 theo đối tác

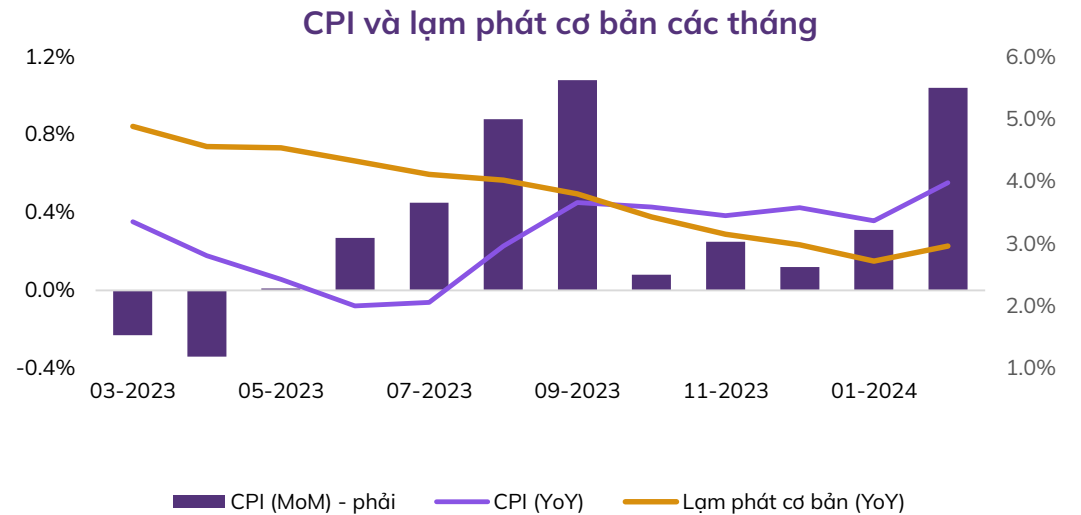


Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Đvt: Tỷ USD)



• CPI và lạm phát đang tăng trở lại

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2-2024 tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2023 và tăng 1.04% so với tháng trước. Bình quân 2 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,67% so với cùng kỳ.
- Nguyên nhân chủ yếu do: giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu; giá xăng dầu, giá gas tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Trong 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, nhóm giao thông tăng cao nhất với 3,09%, làm CPI chung tăng 0,3 điểm phần trăm do nhu cầu đi lại tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán.
- Lạm phát cơ bản đã cho thấy dấu hiệu tăng trở lại khi tháng 02/2024 tăng 0,49% so với tháng trước và tăng 2,96% so với cùng kỳ năm trước.



Nguồn: GSO, ABS Research

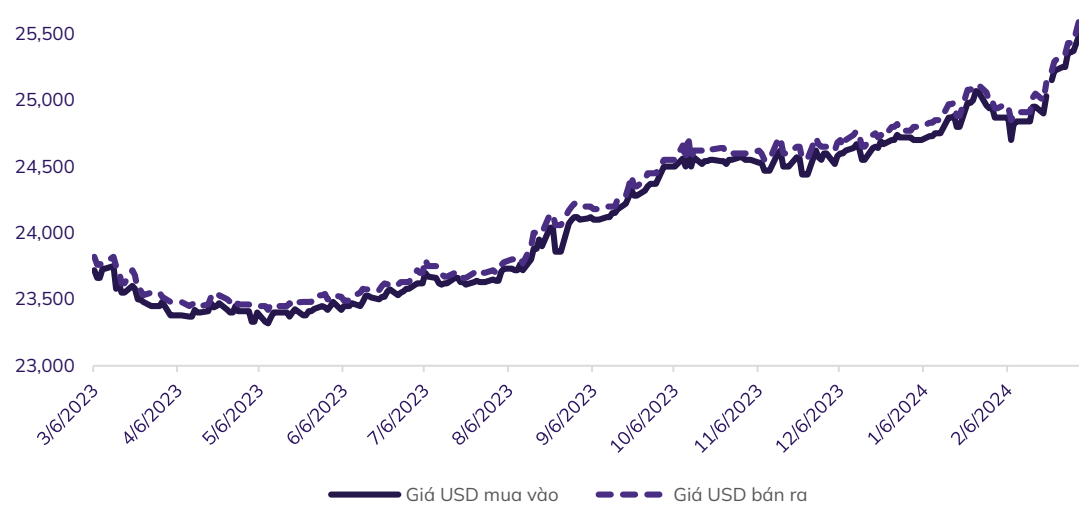
Thống kê giỏ hàng hóa tiêu dùng các tháng

Giỏ hàng hóa tiêu dùng	02-2023	03-2023	04-2023	05-2023	06-2023	07-2023	08-2023	09-2023	10-2023	11-2023	12-2023	01-2024	02-2024
CPI (YoY)	4,31%	3,35%	2,81%	2,43%	2,00%	2,06%	2,96%	3,66%	3,59%	3,45%	3,58%	3,37%	3,98%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	4,29%	3,97%	3,62%	3,58%	3,34%	2,59%	2,31%	2,87%	2,81%	2,98%	2,93%	2,31%	4,23%
Lương thực	3,64%	3,75%	3,84%	3,85%	3,78%	3,79%	6,99%	10,49%	11,34%	13,24%	14,66%	15,63%	17,36%
Thực phẩm	3,84%	3,29%	2,89%	2,89%	2,62%	1,80%	0,94%	1,17%	0,93%	0,91%	0,70%	-0,34%	2,14%
Ăn uống ngoài gia đình	5,71%	5,75%	5,35%	5,20%	4,96%	4,04%	3,77%	4,00%	4,00%	3,97%	3,77%	3,60%	4,20%
Đồ uống và thuốc lá	3,85%	3,73%	3,63%	3,43%	3,23%	3,05%	3,06%	3,04%	2,84%	2,77%	2,46%	1,70%	2,64%
May mặc và giày dép	2,65%	2,51%	2,31%	2,22%	2,16%	2,02%	2,03%	2,06%	1,97%	1,95%	1,80%	1,39%	1,64%
Nhà ở và VLXD	7,88%	6,68%	5,20%	6,40%	6,49%	6,51%	7,14%	7,33%	6,88%	5,91%	5,67%	6,39%	4,95%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	2,75%	2,70%	2,29%	2,23%	2,11%	1,95%	1,83%	1,79%	1,70%	1,50%	1,37%	1,14%	1,31%
Thuốc và dịch vụ y tế	0,63%	0,63%	0,62%	0,63%	0,61%	0,61%	0,55%	0,58%	0,54%	3,39%	5,53%	6,52%	6,52%
Giao thông	-0,18%	-4,91%	-3,94%	-8,94%	-11,98%	-9,29%	-0,31%	3,20%	3,90%	1,63%	2,57%	1,58%	2,55%
Bưu chính viễn thông	-0,26%	-0,30%	-0,33%	-0,51%	-0,58%	-0,95%	-1,11%	-1,29%	-1,34%	-1,42%	-1,36%	-1,41%	-1,48%
Giáo dục	10,40%	8,41%	5,98%	5,70%	5,75%	5,57%	5,05%	7,25%	7,14%	8,23%	8,36%	8,39%	8,55%
Văn hóa, giải trí và du lịch	4,74%	4,66%	2,99%	2,49%	2,30%	1,70%	1,35%	1,37%	1,34%	1,21%	1,22%	0,90%	1,71%
Đồ dùng và dịch vụ khác	3,40%	3,15%	3,33%	3,38%	3,39%	5,88%	5,89%	5,93%	5,91%	6,02%	6,11%	5,79%	6,49%

Nguồn: GSO, ABS Research

Tỷ giá tiếp tục leo thang, giá vàng tăng mạnh

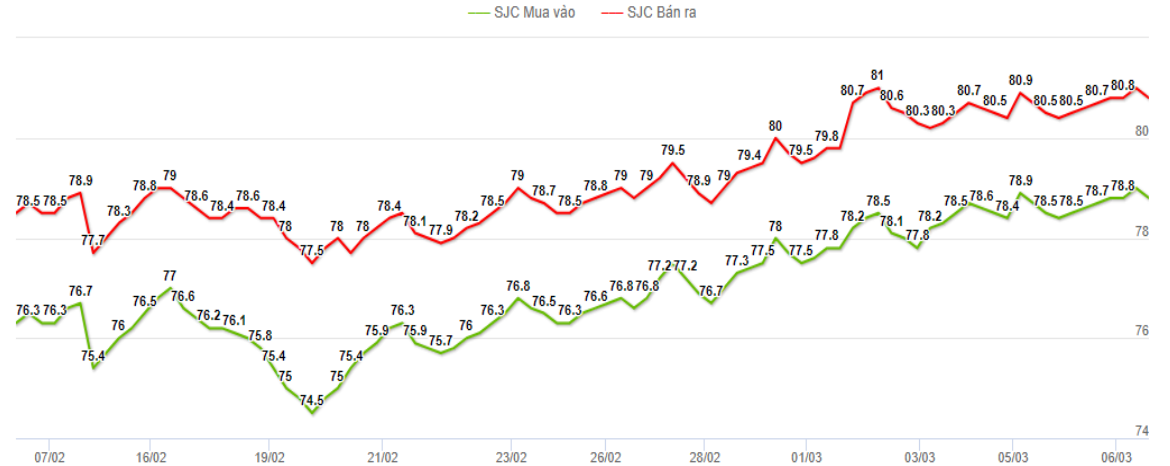
Tỷ giá giữ ở mức cao trong dù DXY điều chỉnh giảm



Nguồn: ABS Research

- Tính đến ngày 05/03/2024, tỷ giá mua và bán USD của SBV là 23.400 và 25.167 VND/USD, trong khi tại thị trường tự do, con số này lần lượt là 25.400 và 25.670. Chênh lệch giữa thị trường tự do và ngân hàng được đẩy lên cao. Mỗi đồng USD ngân hàng mua vào hiện thấp hơn 1.000 đồng so với chợ đen còn giá ngân hàng bán ra kém hơn khoảng 700 đồng.
- Tỷ giá USD/VND tiếp tục neo cao và thiết lập những đỉnh cao mới là hậu quả của việc sở hữu chính sách tiền tệ đi ngược lại với Fed, khi mà Fed được kỳ vọng là sẽ giữ lãi suất ở mức cao 5,5% cho tới ít nhất là tháng 6/2024 thì mới đây thủ tướng chính phủ đã có công điện 18, thúc giục các ngân hàng hỗ trợ giảm lãi suất để kích cầu tín dụng trong bối cảnh lãi suất của Việt Nam đã đang ở mức rất thấp. ABS cho rằng rủi ro tỷ giá leo thang là rất rõ ràng trong nửa đầu năm 2024.

Giá vàng SJC (triệu VND/lượng)

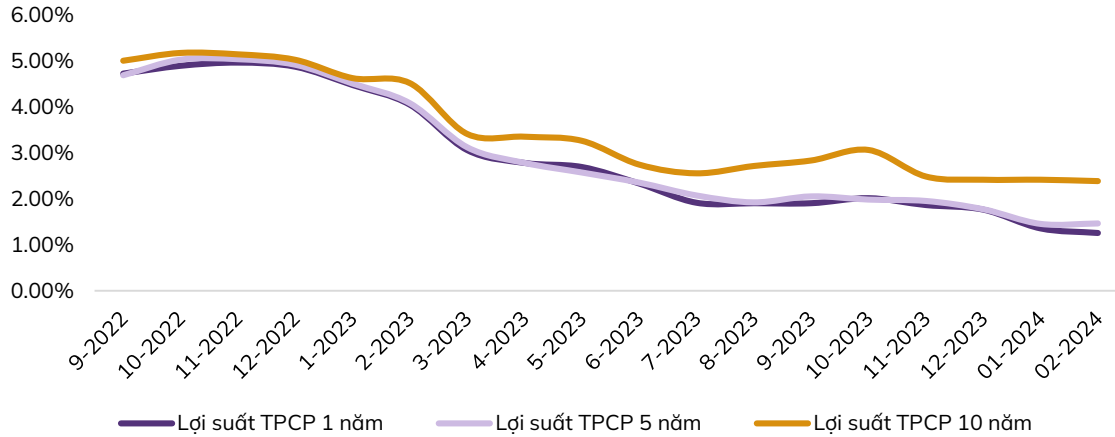


Nguồn: giavang.org, ABS Research

- Giá vàng miếng SJC đã có lúc chạm ngưỡng cao kỷ lục 81 triệu VND/lượng trong ngày 06/03 vừa qua trong khi XAUUSD tiếp tục dao động quanh vùng đỉnh lịch sử tiến sát 2.200 USD/ounce.
- Các yếu tố cơ bản lúc này đều hỗ trợ cho giá vàng tăng, bao gồm nhu cầu vàng vật chất trên thị trường châu Á mạnh mẽ và hoạt động mua vàng của các NHTƯ cũng như vị thế tài sản trú ẩn an toàn truyền thống của vàng thời trong bối cảnh thị trường tài chính bất ổn với các sự kiện như các cuộc chiến tranh, các cuộc bầu cử quan trọng,...
- Trong bối cảnh lãi suất của Việt Nam sẽ chưa tăng trở lại trong thời gian sắp tới và Fed sẽ hạ lãi suất trong nửa cuối 2024, ABS đánh giá vàng miếng SJC sẽ còn tiếp tục tăng thêm nữa nếu không có sự can thiệp của NHNN.

Tín dụng tăng trưởng âm trong 2 tháng đầu năm

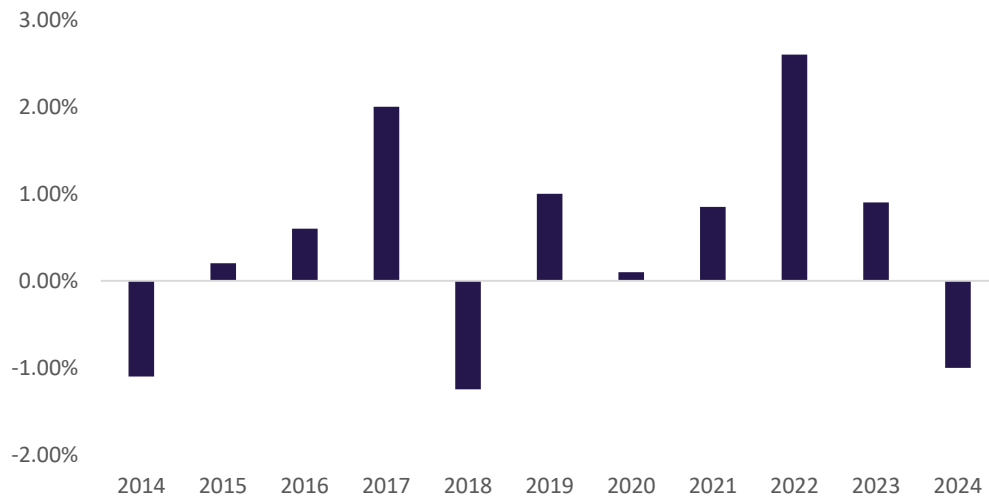
Lợi suất TPCP



Nguồn: NHNN, ABS Research

- Lãi suất huy động cũng như lợi suất TPCP kỳ hạn 1 năm và 5 năm vẫn tiếp tục trên đà giảm. Tính trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng của các ngân hàng lớn chỉ đạt 4,5%/năm, thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn cuối năm ngoái là 5,5%/năm
- Tuy nhiên mức hấp thụ tín dụng của nền kinh tế vẫn còn yếu khi số liệu cho thấy tăng trưởng tín dụng trong 2 tháng đầu năm 2024 giảm -1,0% so với đầu năm. Cụ thể, tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 1/2024 là -0,6% và tính đến ngày 16/02/2024 là -1,0%, điều hiếm khi xảy ra, lần gần nhất đã từ 6 năm trước. Đặc biệt trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước đã cấp toàn bộ hạn mức tín dụng ngay từ đầu năm 2024, việc tăng trưởng tín dụng âm là dấu hiệu khá nghiêm trọng và tiêu cực của môi trường tín dụng.

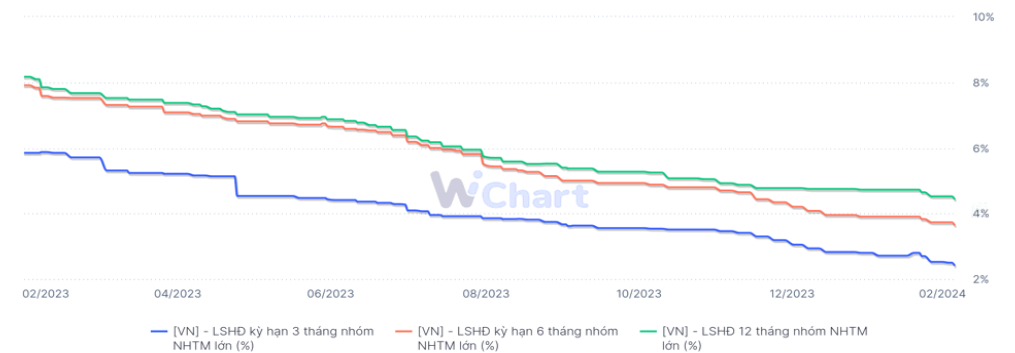
Tăng trưởng tín dụng 2 tháng đầu năm giai đoạn 2014-2024



Nguồn: NHNN, ABS Research

Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục thiết lập mức thấp kỷ lục

Lãi suất huy động



Nguồn: WiChart.vn



Nguồn: NHNN, Wichart, ABS Research

➤ Một số thông tin nổi bật 2 tháng đầu năm 2024

Ngày	Nội dung	Tác động kỳ vọng
05/03/2024	Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Công điện số 18/CĐ-TTg ngày 5/3/2024 về điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024, trong đó, yêu cầu ngành ngân hàng tiếp tục giảm và công khai mặt bằng lãi suất cho vay	Kỳ vọng tín dụng tăng trưởng trở lại trong tháng 3
21/02/2024	Bộ Xây dựng vừa ban hành Quyết định số 117/QĐ-BXD về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản	Điều tiết thị trường bất động sản, bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững
12/01/2024	Mức điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng tăng thêm 8%, áp dụng từ ngày 1/7/2024, sẽ giúp giảm bớt sự chênh lệch giữa người hưởng lương hưu trước cải cách tiền lương, theo đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Giảm bớt sự chênh lệch giữa người hưởng lương hưu trước cải cách tiền lương, và người hưởng lương hưu từ ngày 1/7/2024 trở đi.
12/02/2024	Gia hạn Thông tư số 02/2023/TT-NHNN. Việc kéo dài Thông tư số 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ trong thời điểm hiện nay được giới chuyên môn đánh giá là cần thiết. Cụ thể, người đi vay sẽ có thêm thời gian để thực hiện các nghĩa vụ nợ trong khi chờ nền kinh tế phục hồi hoàn toàn vào thời điểm thích hợp. Còn về phía ngân hàng, áp lực nợ xấu lên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh sẽ giảm bớt phần nào.	Tác động tích cực tới các ngân hàng thương mại do kéo giãn được nợ xấu phải ghi nhận và đặc biệt là lĩnh vực bất động sản khi gia hạn sẽ giúp cho doanh nghiệp có thêm thời gian để sắp xếp trả nợ trái phiếu trong bối cảnh thị trường BĐS còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên rủi ro về nợ xấu vẫn sẽ còn đó.
03/01/2024	Năm 2024, dựa trên diễn biến thực tế, NHNN cấp chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng và chủ động điều chỉnh hạn mức (room) cho từng ngân hàng một lần ngay từ đầu năm.	Các ngân hàng chủ động thúc đẩy, cung ứng vốn đủ, kịp thời cho nền kinh tế, qua đó lan toả vào nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ngay từ những ngày đầu năm.
07/03/2024	Nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Australia. Sau chuyến thăm của thủ tướng Phạm Minh Chính tới Australia	Kỳ vọng về đầu tư song phương, hợp tác kinh tế và cải thiện môi trường thương mại, hỗ trợ đầu tư và tài chính bền vững thông qua thị trường vốn và các cơ chế khác
16/02/2024	Gần 29% tổng dư nợ trái phiếu của Novaland được gia hạn thành công.	Doanh nghiệp sẽ có thêm thời gian để huy động vốn thanh toán cho các khoản nợ trái phiếu sắp đáo hạn.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

TIẾP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



TIẾP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

- VNIndex trong tháng 02 ghi nhận nhịp tăng trưởng tích cực. Kết thúc phiên tháng, VNIndex đóng cửa với mức tăng 88,42 điểm, tương ứng +7,6% so với cuối tháng trước lên mốc 1.252,73 điểm. Dòng tiền có sự di chuyển luân phiên vào các nhóm ngành.
- Trung bình GTGD/phiên có sự cải thiện lên mức 20.794 tỷ đồng/phiên, tăng 24,8% so với số liệu tháng 01. Đây là tháng có thanh khoản trên 20 nghìn tỷ đồng/phiên đầu tiên kể từ tháng 9/2023.
- Nhìn chung các thị trường trên thế giới tiếp tục được bao phủ bởi sắc xanh, VNIndex là một trong những thị trường có mức tăng trưởng tốt nhất.

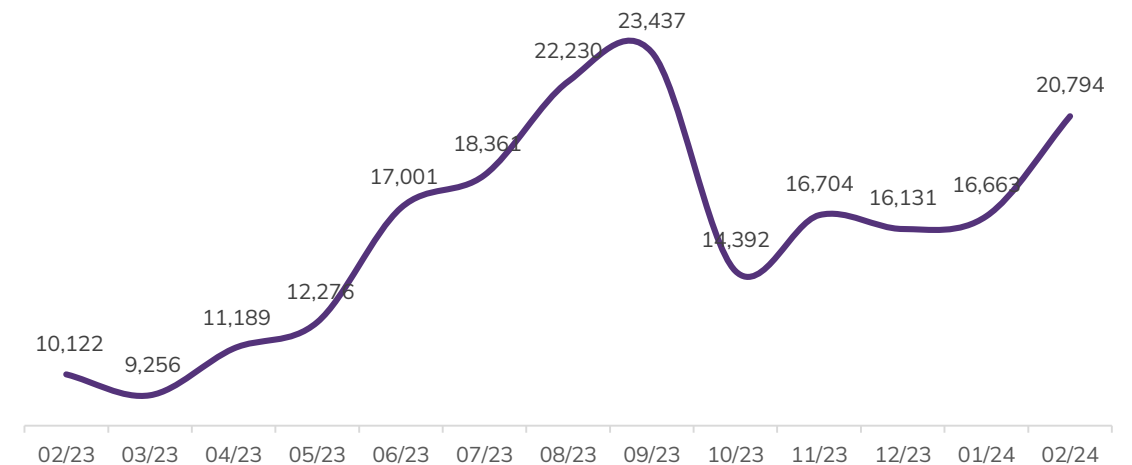
Diễn biến điểm số VNIndex trong 01 năm trở lại



Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi 12M
VNINDEX	10,9%	14,5%	2,3%	22,3%
Dow Jones	3,5%	8,5%	12,3%	19,4%
Nasdaq	7,2%	13,1%	14,7%	33,6%
S&P 500	6,8%	11,6%	13,1%	28,4%
Shanghai	1,4%	-0,5%	-3,4%	-8,0%
DAX	5,5%	9,0%	10,9%	15,1%
Nikkei 225	17,3%	17,0%	20,1%	42,7%
SET	-3,2%	-0,7%	-12,5%	-15,5%
FTSE 100	-1,3%	2,4%	2,6%	-1,8%

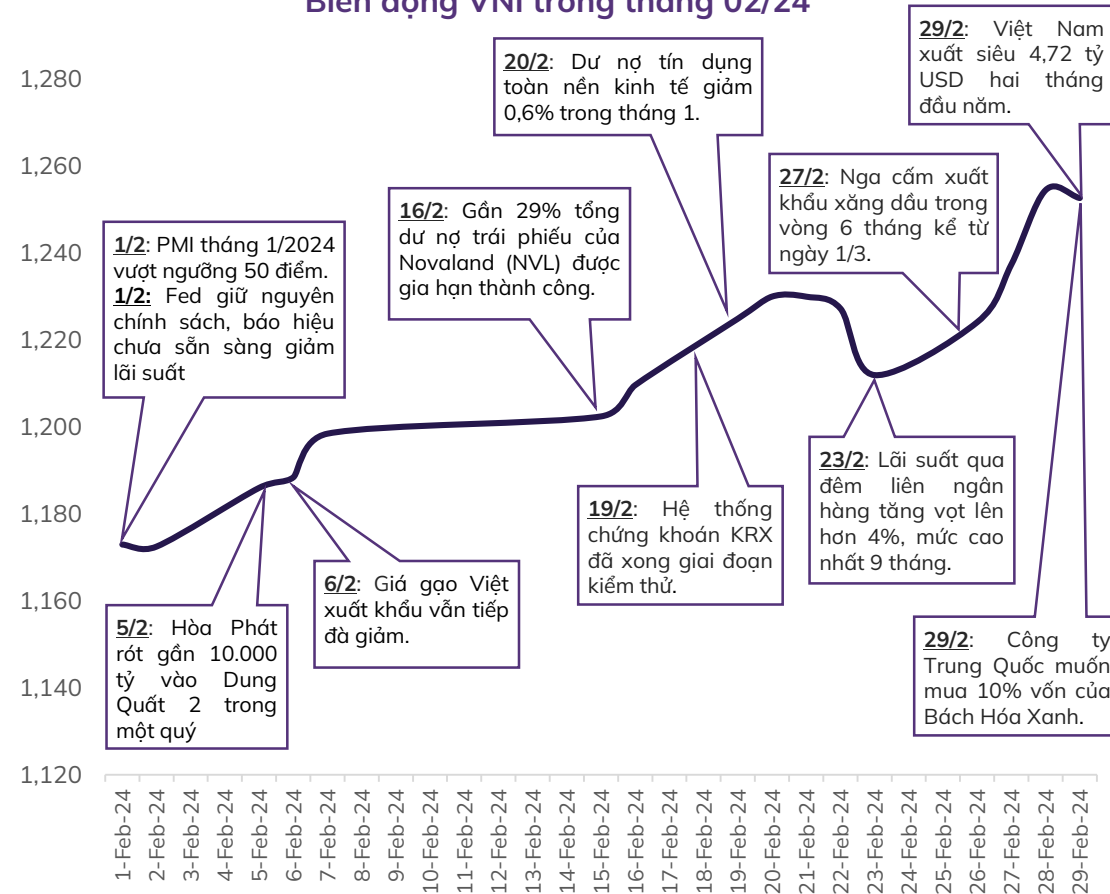
Trung bình GTGD/phiên của VNIndex trong 01 năm trở lại



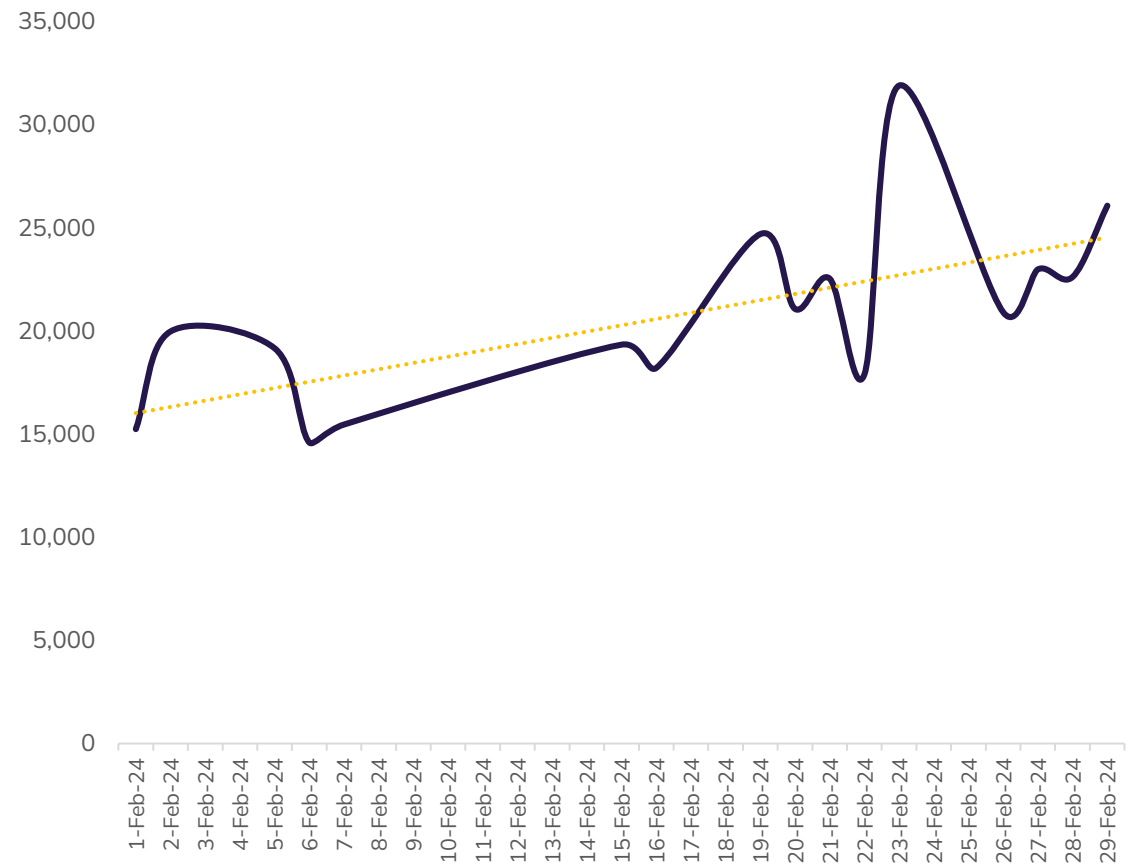
► Điểm lại một số phiên của VNIndex trong tháng 02

Thị trường tiếp đà tăng trưởng tích cực. Nhìn chung, thị trường tháng 02 ghi nhận nhịp tăng tốt. Trong phiên giao dịch ngày 23/02, thị trường xác nhận một nhịp điều chỉnh đáng kể giảm 15,3 điểm, thanh khoản bình quân phiên giao dịch trên sàn HOSE cũng lần đầu vượt qua ngưỡng 20.000 tỷ/ phiên kể từ tháng 9/2023. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đã quay trở lại trong những ngày cuối tháng, đặc biệt trong phiên giao dịch ngày 28/2, thị trường đã có phiên thăng hoa nhờ việc khối ngoại mua ròng lớn tác động làm tăng các mã trong rổ VN30 và giúp nâng đỡ VNIndex tăng 17,09 điểm. Sự tăng trưởng về cả điểm số lẫn thanh khoản phản ánh sự kỳ vọng của nhà đầu tư vào thị trường.

Biến động VNI trong tháng 02/24

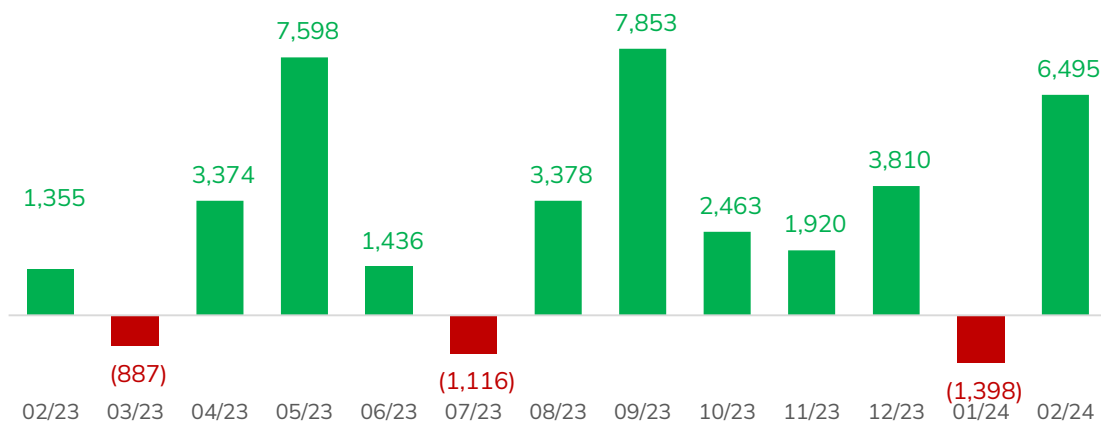


Biến động thanh khoản VNI trong tháng 02

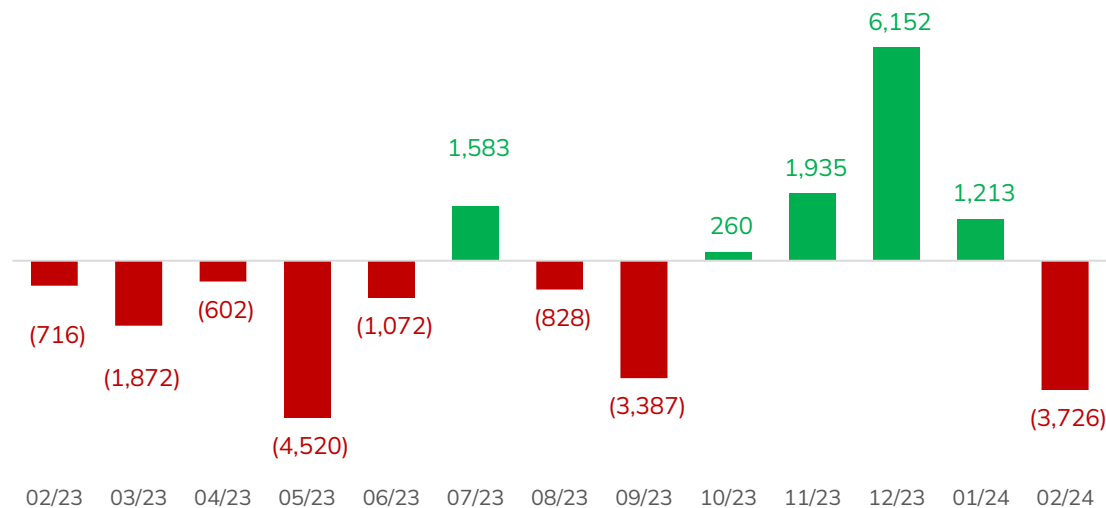


☛ Hành động của NĐT trong tháng 02

NĐT cá nhân mua ròng mạnh mẽ

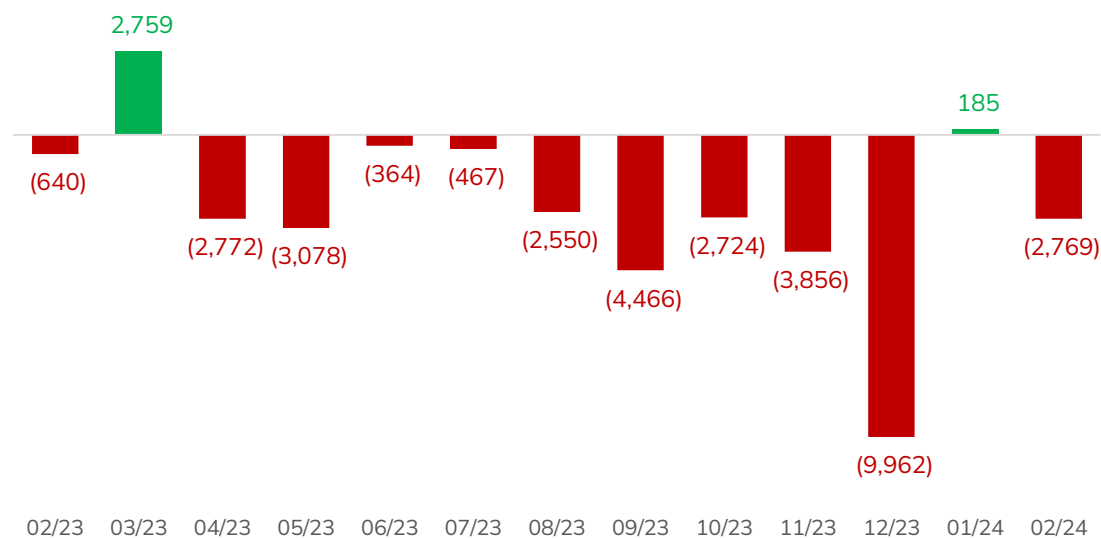


Khối tự doanh bán ròng

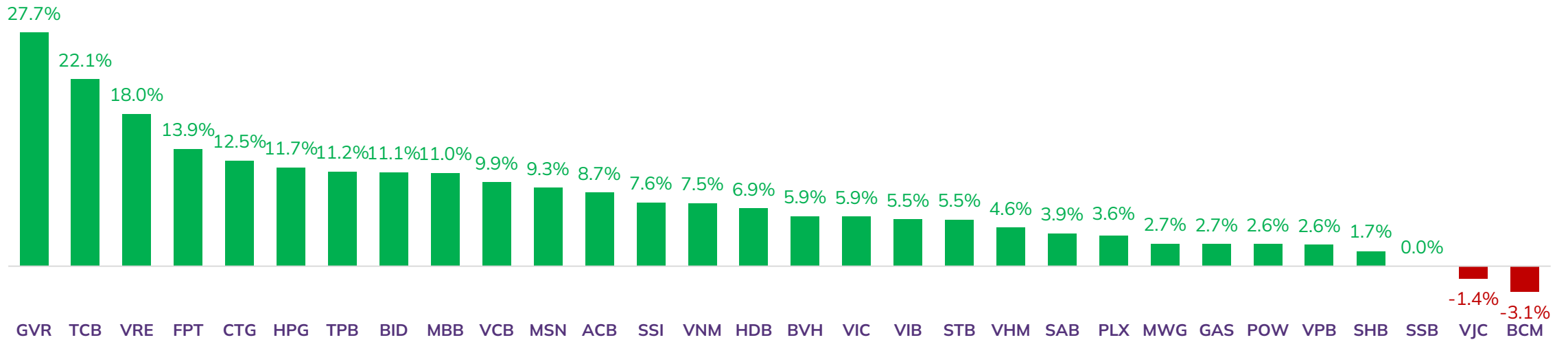


- Nhà đầu tư nước ngoài bán quay lại bán ròng. Lượng bán ròng của khối ngoại trong tháng 02/2024 đạt -2.769 tỷ VND. Các mã cổ phiếu bị bán ròng giá trị lớn gồm **VNM** (-819 tỷ), **MWG** (-678 tỷ), **VPB** (-644 tỷ), **MSN** (-446 tỷ), **GEX** (-403 tỷ)... Ngược lại, các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài ưu ái gồm **MSB** (+838 tỷ), **DGC** (+625 tỷ), **SSI** (+540 tỷ), **HPG** (+407 tỷ), **VIX** (+151 tỷ)...
- Tự doanh quay lại bán ròng sau 4 tháng cuối 2023. Các mã được gom mua chính gồm EVF, HCM, VIX. Trong khi đó, PC1, MBB, MWG, HPG, SSI là những mã bị bán nhiều nhất.
- Nhà đầu tư cá nhân giao dịch tích cực. NĐT cá nhân mua ròng 6.495 tỷ đồng, sau tháng đầu năm bán ròng. Khối lượng mua ròng lớn phản ánh tâm lý tích cực kỳ vọng của NĐT vào nhịp tăng chung của thị trường.

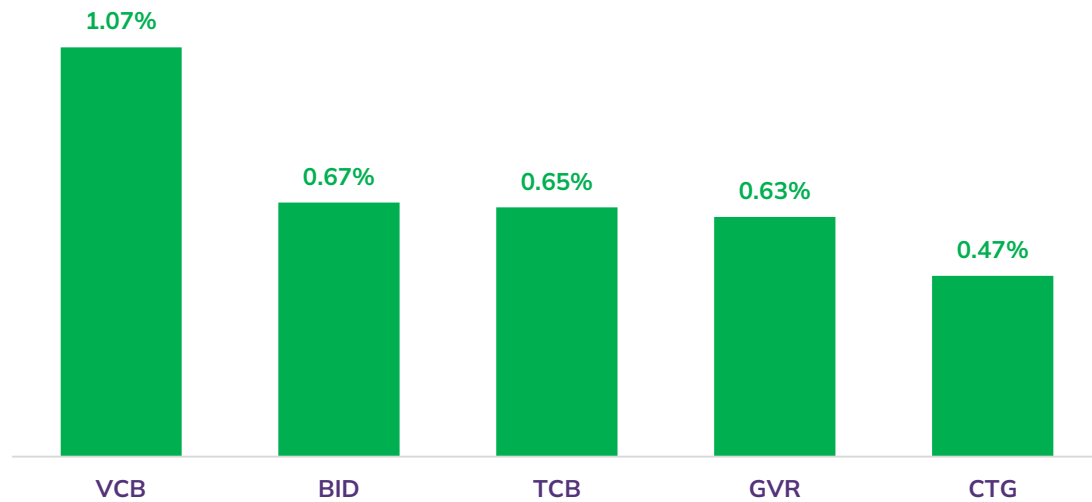
Khối ngoại quay lại bán ròng



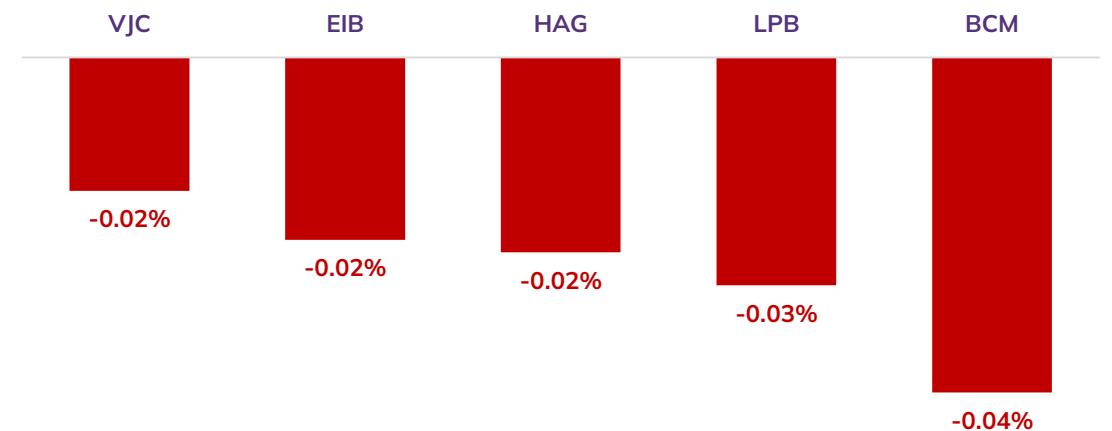
Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30



Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VNI



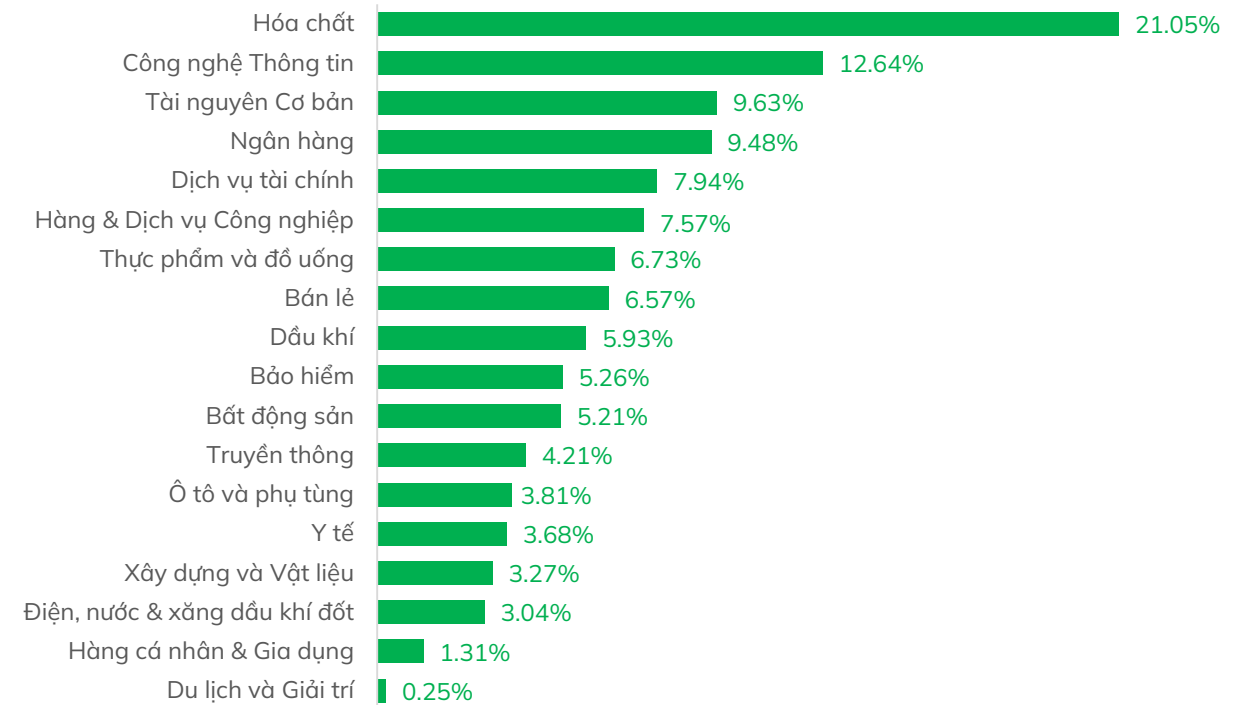
Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VNI



Chuyển động nhóm ngành và câu chuyện đầu tư

- Dòng tiền trong tháng 02 chủ yếu vào tập trung vào nhóm VN30 rồi lan tỏa luân phiên vào các nhóm ngành.
- Các nhóm ngành chính trong tháng 02 đều có sự tăng giá. Nổi bật nhất là ngành Hoá chất và Công nghệ thông tin. Câu chuyện đầu tư chủ yếu với xu hướng công nghệ chip bán dẫn toàn cầu, các công ty công nghệ như FPT hay DGC được hưởng lợi khi nắm giữ “chìa khoá” cho ngành bán dẫn. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu thuộc nhóm Sản xuất Xuất khẩu cũng phản ứng tích cực khi hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đang có những tín hiệu hồi phục.
- Câu chuyện đầu tư trong tháng 02/2024 chủ yếu tập trung vào:
 - **Nhóm cổ phiếu ngành Hóa chất:** Nổi bật là **DGC, CSV** với sự kỳ vọng giá phốt pho phục hồi khi nhu cầu phục vụ sản xuất chip bán dẫn tăng cao.
 - **Nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng:** Các thông tin tốt như thay đổi trong luật các Tổ chức tín dụng góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành ngân hàng một cách bền vững trong trung và dài hạn hay Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện kéo dài thời gian áp dụng Thông tư 02 về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo đề xuất của các ngân hàng, môi trường lãi suất thấp làm giảm rủi ro nợ xấu... đã kéo theo sự tăng giá của các cổ phiếu trong ngành. Nổi bật là những mã cổ phiếu: **CTG, BID, MBB, TCB...**
 - **Nhóm cổ phiếu ngành Dịch vụ tài chính:** Cổ phiếu ngành chứng khoán tăng nhờ vào câu chuyện vận hành hệ thống KRX cùng tin tức quyết tâm nâng hạng thị trường của Chính phủ. **FTS, SSI, VCI** là những cổ phiếu có hiệu suất tăng trưởng tốt trong ngành.

Chuyển động giá các nhóm ngành



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

- **Nhóm cổ phiếu ngành Bất động sản khu công nghiệp:** hưởng lợi từ xu hướng chuyển dịch chuỗi sản xuất từ Trung Quốc và vốn FDI gia tăng mạnh mẽ vào Việt Nam. Các cổ phiếu tiêu biểu là **IDC, SZC**.
- Ngoài ra phải kể đến **Nhóm cổ phiếu ngành cao su**, hưởng lợi từ việc giá cao su thế giới hồi phục và xu hướng chuyển đổi đất trồng cao su thành đất KCN. **GVR, PHR** là các cổ phiếu tiêu biểu.

NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2024

Chúng tôi dự báo Kịch bản tích cực với thị trường sẽ xảy ra trong tháng đầu năm 2024, trong đó VN-Index sẽ đi lên vùng 1160-1185 +/-, sau đó điều chỉnh và có thể hồi phục xác nhận pha tăng trung hạn tiếp theo trong 2 - 4 tháng. Chúng tôi đề xuất nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn với các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, BĐS khu công nghiệp, Thủy sản, Xây dựng - Đầu tư công và một số cổ phiếu riêng lẻ.

Thực tế, VNIndex trong tháng 1 đã tăng điểm, điều chỉnh từ mức 1187, sau đó hồi phục và tăng điểm mạnh trong tháng 2. Kết thúc phiên cuối tháng, VNIndex đóng cửa với mức tăng +88,42 điểm, tương ứng +7,6% so với cuối tháng trước lên mốc 1.252,72 điểm. Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 01/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 01/2024

- 43,8% cổ phiếu chạm điểm mua và có lãi theo giá cuối tháng 1.
- 75% cổ phiếu trong danh mục có lãi theo giá cuối tháng 2.
- Tỷ suất lãi/lỗ thực hiện cả danh mục là -0,1% theo giá cuối tháng 1 và 6,1% theo giá cuối tháng 2.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	31/01/2024	Tăng/ Giảm (%)	29/02/2024	Tăng/ Giảm (%)
1	ACB	25,4	23 - 24	27	30	21	25,75	1,6%	28,00	10,5%
2	STB	29,2	28 - 29	33 - 34	38	26	29,90	2,4%	31,55	8,0%
3	VIB	20,9	19 - 20	25		18	20,75	-0,7%	21,90	4,8%
4	SSI	34,2	33 - 34,2	36		31	34,40	0,9%	37,00	8,5%
5	VIX	16,9	15.8 - 16.9	20	32	14	17,45	3,3%	18,30	8,3%
6	SZC	36,5	31 - 33	45 - 48	46 - 48	27	39,00	6,8%	43,15	18,2%
7	KBC	32,3	30 - 32	37 - 38	42	28	30,25	-6,3%	31,00	-4,0%
8	GVR	21,5	20 - 21	24 - 25	30	19	22,40	4,2%	28,60	33,0%
9	NKG	23,9	20 - 22	31		17	24,20	1,5%	23,95	0,4%
10	ANV	32,0	28 - 30	36 - 40	59 - 60	27	29,95	-6,3%	34,60	8,3%
11	FMC	45,6	44 - 45	52 - 53	25	42	44,60	-2,2%	47,80	4,8%
12	KSB	29,4	27 - 28	33 - 36		25	29,35	0,0%	25,70	-12,4%
13	CTD	69,9	65 - 68	83	110 - 115	60	67,50	-3,4%	66,70	-4,6%
14	DPG	40,4	39 - 40	48 - 49		37	39,65	-1,9%	40,20	-0,5%
15	BSR	18,8	18 - 19	22	25	17	18,70	-0,5%	19,90	5,9%
16	REE	56,8	55 - 57	72		63 - 65	56,00	-1,4%	61,20	7,7%

Các yếu tố vĩ mô: Thị trường trong tháng 3/2024 được hỗ trợ bởi các tin tức tốt xấu đan xen. Cụ thể:

- Trên thế giới, kinh tế Mỹ tăng trưởng cao hơn kỳ vọng thể hiện qua số liệu GDP Q4/2023 và số liệu từ bảng lương phi nông nghiệp. Tuy nhiên, lạm phát Mỹ đang có dấu hiệu quay trở lại, làm tăng khả năng Fed trì hoãn việc giảm lãi suất đến cuối quý 2/2024. Điều này khiến chỉ số DXY và lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ hồi phục trở lại trong 2 tháng đầu năm 2024. Ngoài ra, ECB ngày 7/3 phát tín hiệu có thể cắt giảm lãi suất sớm nhất vào tháng 6 năm nay, đồng thời hạ dự báo lạm phát cả năm và cho rằng CPI ở khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu sẽ giảm về mục tiêu 2% vào năm 2025.
- Sản xuất công nghiệp tiếp tục suy giảm tại tất cả các nền kinh tế lớn từ Trung Quốc đến EU và Anh. Tuy nhiên, tại EU và Anh, tốc độ thu hẹp sản xuất đã chậm lại rõ rệt và lạm phát đã ổn định trở lại báo hiệu khả năng tăng trưởng trở lại trong nửa sau của 2024 khi ECB hạ lãi suất. Điều đáng lo ngại là khủng hoảng bất động sản tại Trung Quốc đang dẫn lan ra các nền kinh tế lớn khác.
- Các cuộc xung đột trên thế giới trở nên căng thẳng hơn, khó kiểm soát và có rủi ro lan rộng như xung đột Nga – Ucraina, các cuộc tấn công của lực lượng Houthi trên Biển Đỏ... Ngoài ra, do các cuộc bầu cử tại các nước lớn đang đến gần... và xu hướng các NHTW lớn sẽ giảm lãi suất khiến nhu cầu trú ẩn vào vàng tăng lên. Việc xung đột lan rộng khiến tăng chi phí vận tải và tăng giá một số hàng hóa, làm tăng rủi ro lạm phát nói chung.

- Tại Việt Nam, tỷ lệ giải ngân đầu tư công toàn quốc được giữ ở mức cao kể từ cuối 2023, nguồn vốn FDI ghi nhận mức tăng trưởng ổn định qua từng quý, xuất nhập khẩu phục hồi đáng kể so với trước, chỉ số PMI có tháng thứ 2 liên tiếp ở mức mở rộng cộng với việc môi trường kinh doanh phục hồi khi số lượng doanh nghiệp đăng kí mới tăng trở lại là những điểm sáng trong bức tranh kinh tế đầu năm 2024. Dự kiến xu hướng này vẫn tiếp tục trong các tháng còn lại của nửa đầu năm 2024.
- Sau một giai đoạn giảm lãi suất điều hành rất quyết liệt của chính phủ trong nửa cuối năm 2023, lãi suất huy động ngân hàng đã giảm xuống các mức thấp kỷ lục, khiến cho kênh tiền gửi đã không còn hấp dẫn. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa tăng, cùng với giá vàng thế giới tăng và chênh lệch lãi suất USD – VND mở rộng đã khiến giá vàng, giá USD tăng mạnh, trực tiếp gây áp lực trở lại lên lạm phát. Tăng trưởng tín dụng yếu do đầu tư tư nhân vẫn đối mặt nhiều áp lực. Dự báo lãi suất sẽ vẫn duy trì ở mức thấp và chưa tăng trở lại ngay. Tỷ giá neo cao tiếp tục hỗ trợ xuất khẩu, ngược lại cũng thúc đẩy lạm phát và giá vàng. Dòng tiền nội sẽ tiếp tục là lực cầu chủ đạo của thị trường.
- Tuy nhiên, thị trường kỳ vọng hệ thống KRX sẽ chính thức được vận hành trong Quý 2/2024 và Việt Nam sẽ được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong kỳ xem xét vào tháng 9/2024 của tổ chức này. Xa hơn, trong trường hợp MSCI và FTSE nâng hạng Việt Nam lên thị trường chứng khoán mới nổi sẽ có khoảng 3.5-4 tỷ USD mua mới các cổ phiếu Việt Nam. Khi đó, các cổ phiếu có vốn hóa vừa và lớn, có vị thế đầu ngành, với kết quả kinh doanh nổi bật... sẽ được thị trường chú ý hơn và thực hiện định giá lại.

Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Thị trường liên tục tăng điểm trong tháng 1 và tháng 2 với sự dẫn dắt thành công của nhóm ngành ngân hàng và các cổ phiếu đầu ngành. Tính từ vùng đáy 1070-1080, chỉ số VN-Index đã tăng ~200 điểm trong 12 tuần giao dịch.

Trong đà tăng theo tuần, xu hướng tuần được đánh giá là cận biên độ tăng khi thị trường chung đi vào vùng kháng cự mạnh 1280 - 1290 - 1315 điểm. Đây cũng là vùng đỉnh trung hạn đã tạo ra trong tháng 6-8/2023. Tại vùng này, dự kiến chỉ số sẽ có rung lắc mạnh, các nhóm cổ phiếu cần được hấp thụ lực cung trước khi tiếp diễn xu hướng đi lên.

Xu hướng trung hạn: Xu hướng tăng điểm của VN-Index đã kéo dài 19 tuần, tiệm cận vào vùng kháng cự mạnh 1280-1290 điểm. Thị trường cần tạo vùng tích lũy trước khi tiếp diễn xu hướng đi lên.

Xu hướng ngắn hạn: Đang tiếp diễn đi lên nhịp thứ 3 trên biểu đồ ngày. Trạng thái giá tăng đồng pha trên các khung thời gian ngày – tuần.

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1280 – 1297
- Kháng cự 2: 1305 – 1315
- Hỗ trợ 1: 1250 – 1260
- Hỗ trợ 2: 1210 – 1220
- Hỗ trợ 3: 1060 – 1080

Chúng tôi dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 3/2024 như sau:

- **Kịch bản 1 – xác suất cao:** Với Kịch bản tích cực, trong diễn biến ngắn hạn, thị trường điều chỉnh về ngưỡng Hỗ trợ 2 (1210-1220) và sau đó tiếp tục tăng điểm tới vùng Kháng cự 1 (1208-1297) và Kháng cự 2 (1305-1315) trên biểu đồ giao dịch ngày. Nhà đầu tư nên chú ý quan sát mốc kháng cự quan trọng được đề xuất để có thể chủ động phân bổ danh mục và tỷ trọng, tránh tâm lý Fomo mua đuổi theo giá.
- **Kịch bản 2 – xác suất thấp:** Thị trường chung có thể xảy ra điều chỉnh ngắn hạn trên các khung thời gian nhỏ (H1). Trong diễn biến này nhà đầu tư nên quan sát mốc Hỗ trợ 1 và Hỗ trợ 2. Thực hiện hạ tỷ trọng với giao dịch ngắn hạn.

Khuyến nghị:

- Với kịch bản chủ đạo dự báo thị trường tiếp tục diễn biến tích cực ở nhịp lên thứ 3 trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn tiếp tục giao dịch với những cổ phiếu có sự đồng pha tăng điểm với VN-Index.
- Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và quan sát vùng kháng cự quan trọng tiếp theo của VN-Index.
- Chúng tôi đề xuất nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn với các ngành và cổ phiếu đang có mô hình tích lũy lâu dài, định giá còn rẻ so với thị trường chung bao gồm: Các cổ phiếu đầu ngành, vốn hóa lớn (POW, REE, VNM, BCM, MSN), Ngành bất động sản (HDG, DXG, HDC..), Ngân hàng (MBB, CTG), Bán lẻ (DGW), Phân bón (DCM). Thông tin khuyến nghị cổ phiếu cụ thể ở các trang tiếp theo của báo cáo này.

TRIỆU VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 3/2024



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 3/2024



➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 02/2024

07/03/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
POW	11,9	11,6-11,9	15-16	18,5-20	13,8	11,2	<p>31,9%</p> <ul style="list-style-type: none"> • Triển vọng lạc quan trong cả ngắn và dài hạn khi: <ul style="list-style-type: none"> - Các nhà máy điện (NMD) của POW đã sẵn sàng hoạt động hết công suất khi không có lịch bảo dưỡng nào lớn trong năm 2024. Năm 2023, một loạt các NMD của POW đã tiến hành lịch bảo dưỡng như: đại tu NMD Cà Mau 2 & NMD Nhơn Trạch 2, trung tu NMD Nhơn Trạch 1, NMD Hòa Na & Đakđrink, tiểu tu NMD Cà Mau 1. Bên cạnh đó, NMD Vũng Áng 1 đã hoạt động trở lại vào T8/2023 sau gần 2 năm tạm ngừng hoạt động. - Giá khí và giá than đầu vào vẫn đang ở mức thấp sẽ là một yếu tố tích cực trong ngắn hạn. Trong khi đó, thủy điện dự kiến sẽ cải thiện hơn trong nửa sau của năm 2024 khi tác động của hiện tượng El Nino giảm bớt. - Động lực dài hạn đến từ NMD khí Nhơn Trạch 3 & 4. Đây là 2 dự án trọng điểm của POW và là 2 dự án điện khí đầu tiên sử dụng khí LNG. Hai NMD khí NT3&4 có tổng công suất 1.500MW với tổng vốn đầu tư là gần 32.487 tỷ đồng (trong đó VCSH/vốn vay là 25%/75%). Theo dự kiến, NT3 sẽ vận hành thương mại vào 11/2024 và NT4 vận hành vào 05/2025. Hai dự án này dự kiến sẽ giúp POW tăng thêm 36% công suất. Hiện POW đang quản lý và vận hành 7 nhà máy điện (NMD) với tổng công suất lắp đặt là 4.205 MW, gồm điện khí, than và thủy điện. • Chúng tôi dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ năm 2024 của POW đạt 1.668 tỷ đồng (+55,2% svck). EPS 2024F dự kiến đạt 607 đ/cp, tương ứng P/E 2024F đạt 19,6x lần tại mức giá hiện tại.
REE	63,0	61-63	68-70	78-81	67,6	58,0	<p>11,3%</p> <ul style="list-style-type: none"> • Triển vọng lợi nhuận năm 2024 dự báo khả quan hơn khi: <ul style="list-style-type: none"> - Mảng năng lượng dự báo có thể sáng sủa hơn năm 2023 khi: 1) Mảng thủy điện có thể sẽ cải thiện hơn trong nửa sau năm 2024 khi tác động của El Nino giảm bớt; 2) Mảng Năng lượng tái tạo (NLTT) kỳ vọng sẽ khởi sắc hơn khi Thông tư xác định khung giá cho NLTT có hiệu lực từ T12/2023. - Mảng bất động sản (BDS) kỳ vọng cải thiện doanh thu, lợi nhuận trong năm 2024 khi các dự án BDS như E.Town 6 & The Light Square đang dần hoàn thiện và sớm đưa vào thương mại hóa. - Mảng cơ điện có thể tích cực hơn khi thị trường BDS dự báo sẽ sớm khởi sắc do nhận được nhiều chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý & mặt bằng lãi suất đang ở mức khá thấp. - Chi phí lãi vay giảm do giảm dư nợ vay và mặt bằng lãi suất thấp. - Bên cạnh đó, mảng nước và mảng cho thuê văn phòng dự báo vẫn tiếp tục ổn định. • Chúng tôi dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2024F của REE dự kiến đạt 3.067 tỷ đồng (+10% svck). EPS 2024F dự kiến đạt 7.504 đ/cp, tương ứng P/E 2024F đạt 8,4x tại mức giá hiện tại.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 02/2024

07/03/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VNM	72,0	69-72	80-83	90	76,0	66,0	15,6%	Biên LNG Q4/2023 ở mức 41,2% (+240bps svck) và tiếp tục xu hướng cải thiện bắt đầu từ Q3 nhờ tăng trưởng doanh thu kết hợp với chi phí đầu vào thuận lợi. Lũy kế cả năm 2023, doanh thu VNM tăng trưởng nhẹ gần 1%, đạt 60.369 tỷ đồng, LNST đạt 9.019 tỷ đồng (+5,2% svck) và vượt 5% kế hoạch năm. Dự kiến biên LNG trong năm 2024 sẽ tiếp tục được cải thiện nhờ giá nguyên vật liệu thấp hơn và việc ra mắt các sản phẩm sữa công thức mới với giá bán lẻ cao hơn.
DGW	58,0	57-59	72	84-88	62,0	53,0	24,1%	Cuộc chiến cạnh tranh giá dự kiến sẽ không tiếp diễn trong năm 2024, DGW sẽ được giảm bớt áp lực giảm giá cho các nhà bán lẻ như FRT, MWG trong thời gian tới, từ đó cải thiện lợi nhuận trong năm 2024. Động lực tăng trưởng tới từ hai mảng Hàng tiêu dùng và Thiết bị gia dụng, 2 mảng đều ghi nhận dấu hiệu tăng trưởng rất tốt. Chúng tôi dự phóng tăng trưởng doanh thu mảng Hàng tiêu dùng năm 2024 sẽ đạt 33%; tăng trưởng doanh thu mảng Thiết bị gia dụng 2024 đạt 35%.
MSN	80,8	74,5-77,5	85-91	109-116	80,5	65,0	15,8%	Nền tảng FMCG toàn cầu của MSN đã cho thấy những kết quả tích cực khi tương ốt Chin-Su nằm trong top 8 sản phẩm bán chạy nhất trên Amazon. MEATDeli đang bắt đầu thu hút được người tiêu dùng trên quy mô lớn. Quá trình số hóa thị trường tiêu dùng Việt Nam đang tăng tốc với việc chương trình hội viên WIN đạt 8 triệu người tiêu dùng tham gia. Thêm vào đó, trong năm 2024, tổng mức đáo hạn trái phiếu của MSN rơi vào khoảng 6.000 tỷ đồng, với dòng tiền cải thiện cùng với lượng tiền lớn lên đến 250 triệu đô từ thương vụ với Bain Capital, vấn đề thanh khoản đã được giải quyết. Về kế hoạch năm 2024, MSN dự kiến doanh thu thuần hợp nhất năm trong khoảng từ 84.000 đến 90.000 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt từ 7% đến 15% so với cùng kỳ.
DCM	34,8	33-35	37-38	40-43	34,4	30,5	10,3%	Sản lượng tiêu thụ phân bón được kỳ vọng tăng khi thời tiết thuận lợi hơn. Việc DCM mua lại Nhà máy Phân bón Hàn - Việt sẽ giúp mở rộng đáng kể mảng NPK cũng như là đòn bẩy cho nhiều mảng kinh doanh khác. Dự án này sẽ giúp nâng gấp đôi tổng công suất sản xuất NPK của Đạm Cà Mau lên mức 660.000 tấn/năm, ước tính sản lượng bán hàng phân NPK của DCM tăng +12,5% svck. Đầu năm 2024, bên cạnh thị trường xuất khẩu chính là Campuchia, DCM cho biết đang chuẩn bị những lô hàng để xuất khẩu sang hai thị trường mới là Australia và New Zealand.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 02/2024

07/03/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
HDG	28,4	27-28,6	32-34	40-44	32,3	25,5	18,9%	<p>Trong năm 2023, DTT của HDG đạt 2.882 tỷ đồng (-19,5% svck), LNST đạt 712 tỷ đồng (-35,1% svck) do không mở bán các dự án BDS mới và tình hình thủy văn kém thuận lợi ảnh hưởng của El Nino. Trong thời gian tới, động lực tăng trưởng chính của HDG sẽ đến từ mở bán dự án Charm Villa GĐ3. Các phân khu tiếp theo tại dự án này kỳ vọng tiếp tục đem về khoảng 3.000 tỷ đồng doanh thu cho HDG trong các năm tới. Trong bối cảnh không gặp áp lực về dòng tiền, doanh nghiệp vẫn đang chờ đợi thời điểm tốt của thị trường để có thể hưởng lợi từ đà tăng giá bán tại khu vực. Với mảng thủy điện, sản lượng có thể có sự phục hồi nhẹ từ nửa cuối 2024 hỗ trợ bởi các nhà máy luôn duy trì mực nước tốt và pha El Nino kết thúc. Điện NLTT sẽ duy trì mức sản lượng ổn định.</p>
BCM	69,0	66-69	77-80	93-99	82,1	62,0	16,3%	<p>Năm 2023 BCM ghi nhận doanh thu hơn 8.000 tỷ đồng (+24,1% svck) và LNST hơn 2.300 tỷ đồng (+34,9% svck). Với vị thế là nhà phát triển khu công nghiệp hàng đầu cả nước với quỹ đất lớn, triển vọng của BCM dựa trên yếu tố (i) Quỹ đất bất động sản dân dụng lớn với 141 ha tại Thành phố mới Bình Dương với giá tham chiếu từ 24 triệu đồng/m2 (thương vụ Capitaland), pháp lý rõ ràng và sẵn sàng để bán sẽ đảm bảo cho tăng trưởng dài hạn đối với doanh thu nhà ở của BCM trong khi nguồn cung hạn chế; (ii) KCN mới của BCM – KCN Cây Trường với diện tích 700 ha sẽ được triển khai trong Q1/2024 sẽ hỗ trợ thêm tăng trưởng đối với hoạt động cho thuê KCN của BCM nhờ tỷ lệ lấp đầy tại tỉnh Bình Dương gần như đạt 96%.</p>
DXG	18,4	18-18,8	23	25-27	21,8	17,5	25,0%	<p>Bức tranh kinh doanh của DXG có thể khởi sắc hơn nhờ các dự án cũ – hầu hết các dự án của DXG đều có quỹ đất sạch và đã được cấp GCN QSDĐ. Các dự án Gem Sky World (đã được Sở TNMT Đồng Nai chấp thuận đủ điều kiện chuyển nhượng 2.305 lô đất vào Q4/2023) và Opal Skyline (đã hoàn tất thi công và đang tiến hành bàn giao) sẽ là động lực tăng trưởng chính cho DXG trong năm 2024. Kỳ vọng dự án Gem Riverside sẽ được cấp GPXD và mở bán trở lại trong năm 2024. Tuy nhiên, cần lưu ý DXG có thể vẫn sẽ gặp phải áp lực thanh toán nợ gốc và chi phí lãi vay trong năm 2024 với dư nợ hơn 5.600 tỷ đồng (1.500 tỷ đồng dư nợ trái phiếu).</p>

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 02/2024

07/03/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
HDC	31,1	30,3-32	35-37	41-4	N/A	29,4	16,1%	HDC là nhà phát triển bất động sản hàng đầu với quỹ đất hơn 400 ha (hơn 100 ha đất sạch) tại các khu vực đắc địa ở Bà Rịa – Vũng Tàu, đây là tỉnh thành có tốc độ phát triển hạ tầng chóng mặt với sân bay Long Thành, cụm cảng Thị Vải - Cái Mép, cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu). Trong đó, cảng Cái Mép - Thị Vải sẽ là một trong 2 cảng đóng vai trò đặc biệt quan trọng với chức năng là cửa ngõ và cảng trung chuyển quốc tế. Từ đó giúp giá đất tại đây tăng trưởng 2 chữ số trong 2 năm qua và có thể trong những năm tới. Các dự án gối đầu lớn trong tương lai của HDC đều đi đúng tiến độ mang tới sự chắc chắn cho kết quả kinh doanh tương lai của HDC như KĐT Phước Thặng (đã hoàn thiện đền bù, đưa vào kinh doanh 2024); Wonderland 2 (đất sạch 100%, bắt đầu triển khai trong năm 2022).
MBB	24,4	22,5 ± 1	26-27	30-32	27,8	21,0	11,1%	Kỳ vọng hoàn tất việc sát nhập ngân hàng OceanBank trong tháng 6 tới đây sẽ là động lực để MBB duy trì tốc độ tăng trưởng 20%, tương đương mức tăng trong 5 năm gần nhất. Về trái phiếu, dư nợ của 3 doanh nghiệp BĐS lớn nhất là Novaland, Dung Group và Trung Nam Group đều thuộc nhóm 1 và không phát sinh nợ xấu. Dư nợ trái phiếu rủi ro Novaland đã giảm gần 1 nửa. MBB là ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam, dự kiến sẽ có thể đạt 30 triệu khách hàng trong năm 2024.
CTG	35,8	32-33	40	45	41,0	31,0	23,1%	Chất lượng tài sản tốt, tỷ lệ nợ xấu được duy trì quanh mức 1,1% thuộc nhóm thấp nhất toàn ngành. Cơ cấu cho vay có sự chuyển dịch mạnh sang mảng bán lẻ và cá nhân, mức độ phân bổ rủi ro sẽ tăng trong 2024. Chi phí vốn sẽ cải thiện trong năm 2024 do khoản huy động lãi suất cao của giai đoạn Q4/22 – Q1/23 sẽ đáo hạn trong Q4/23 – Q1/24 từ đó có thể cải thiện NIM lên mức 3,0%. Nợ xấu được kỳ vọng giảm trong 2024, cùng với việc CTG có bộ đệm dự phòng dày giúp giảm bớt áp lực trích lập. Dự kiến CTG sẽ duy trì được mức tăng LNTT +20% svck.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung tâm
Tư vấn Đầu tư ABS

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Nguyễn Thị Thùy Linh – Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Điện thoại: (+84 - 24) 3562 4626 Số máy lẻ: 160

www.abs.vn



Thank you!